

NHIỀU TÁC GIẢ

PHÂN ĐỐI



Phận đời

Nhiều tác giả

phận đời

phận đời

nhiều tác giả

NHIỀU TÁC GIẢ

bìa: *M.C.P*

nguồn: *Internet*

trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

MỤC LỤC

1. Đứa Con Dị Chứng <i>Nguyễn Thạch Hãn</i>	9
2. “Homeless” ở đại lộ Bolsa <i>Chu Toàn Thắng</i>	49
3. Sài Gòn trăm nhớ nghìn thương – <i>Hồng Thủy</i>	89
4. Xóm Cầu Mới, một hoài bão lớn của Nhất Linh – <i>Nguyễn Tường Thiết</i>	107

ĐỨA CON DỊ CHỦNG



Hình: Dr. Michael Salvatore
(Một Câu chuyện thật)
Minh Đạo – Nguyễn Thạch Hãn

Tôi lượm được thằng Michael ở bên xa lộ 45 South Trên đường từ Houston đi Clear Lake.

Dạo đó vào khoảng năm 1982, tôi mới ra trường và bắt được một job thơm phức làm cho cơ quan NASA ở Houston trong Mission Control Center, do một ông bạn học cùng lớp giới thiệu.

Cuộc đời tôi gặp bao nhiêu là may mắn bất ngờ, đúng là trời cho. Cho nên tôi vẫn nhớ ơn ông Trời, cố gắng học làm người tử tế, dù có chịu thiệt thòi một chút cũng cam lòng.

Số là hôm đó tôi đi làm trễ, vừa từ xa lộ rẽ vô NASA road 1, thấy một thằng nhóc đi bộ lang thang bên lề đường, vai mang túi xách to tướng, kiểu túi xách

quân đội, như ngày xưa tôi nhận được khi mới vào trường Võ Bị. Nhóc đưa ngón tay cái lên ngoắc ngoắc xin quá giang. Tôi vội dừng xe lại hỏi:

– Mày muốn quá giang hả?

– Yes, Sir!

Hắn vội vã quăng cái xách quần áo ra sau xe truck, với tay mở cửa và nhảy phóc lên ngồi cạnh tôi. Mùi mồ hôi bốc lên nồng nặc. Không chịu nổi, tôi phải quay vội cửa kiếng xe xuống. Tôi hỏi chàng “Trẻ Tuổi Bụi Đời”:

– Mày muốn đi đâu?

– Đi đâu cũng được!

– Nhà mày ở đâu?

– Tôi không có nhà, mới từ OMAHA quá giang xe xuống đây.

Tôi nghĩ trong bụng: “Gặp thứ thiệt rồi”, và nói với nó:

– Tao phải đi làm bây giờ, thôi tao thả mày xuống Clear Lake Park, ở đó có đủ cả phòng vệ sinh và chỗ che mưa nắng đến trưa tao sẽ kiếm cái gì cho mày ăn.

Bà xã tôi hay căn nhắc về vụ cho mầy tay “bụi đời” quá giang xe. Kể ra thì cũng nguy hiểm, chẳng may gặp anh chàng khùng nào đó coi mạng người như cỏ rác, vậy là giống như trứng giao cho ác!

Nhưng tôi quan niệm khác, sống chết có số, ngày xưa lúc còn xông pha trận mạc, mình đâu có tránh đạn được, toàn là đạn tránh mình thôi. Cho nên mỗi khi lái xe một mình, gặp người xin quá giang, nếu thuận tiện tôi vẫn “dzót” như thường. Kể như đến ơn những người

từng cho tôi quá giang hồi mới chân ướt chân ráo bước chân đến đất Mỹ này.

Hồi đó, mỗi ngày đi làm phải lội bộ hàng mấy cây số trên đường đầy tuyết. Nếu gặp xe nào cho quá giang thôi mừng hết lớn.

Từ sở làm đến hồ Clear Lake chỉ mất vài phút lái xe, tôi vẫn hay ra đó ăn trưa, giỡn với mấy con chim hải âu bằng cách liệng lên cao một miếng bánh mì sandwich thế là cả đám nhào xuống kiếm mồi, bu lại chung quanh, tôi chỉ vung tay ra cũng tóm được một chú.

Đôi khi buồn ngủ quá bèn đánh một giấc như “Những Ngày Xưa Thân Ái”.

Buổi trưa, tôi mua hai phần ăn rồi lái xe đi kiếm “Chàng Bụi Đời”. Đậu xe

vào parking, nhìn ra mấy bàn picnic sát bờ hồ, thằng nhóc ngồi đó đang chăm chú xem cuốn album cũ nát. Thấy tôi đến, nhóc vội đứng lên chào và rất mừng rỡ, có lẽ vì túi đồ ăn khá lớn tôi mang đến. Hân đưa cho tôi cuốn album và giải thích:

– Tôi thấy sau kiếng xe của ông có dán cái huy hiệu nhảy dù, chắc ông là người Việt Nam?

– Sao mà biết?

– Ba tôi cũng từng chiến đấu ở Việt Nam, trên mũ cũng có cái huy hiệu giống như cái ông dán sau xe. Đây này, ông xem có đúng không?

Hân vừa nói vừa chỉ vào tấm hình chụp một chàng lính Mỹ mặt non choét, trên dưới 25 tuổi, đầu đội mũ đỏ của lính

nhảy dù Việt Nam thời xưa, cổ áo mang hai bông mai vàng hàng hoàng. Nếu không có cái mặt Mỹ ai dám bảo không phải là lính nhảy dù VN?

Tôi nhìn tấm hình thấy quen quen, đúng là thằng Doug Salvatore, Trung Úy trong ban Cố Vấn của tiểu đoàn tôi. Sở dĩ tôi nhớ tên anh ta vì hân hiền khô ít nói, rất thích đội chiếc mũ đỏ nhảy dù lệch hân qua một bên, gặp ai trong tiểu đoàn bất kể cấp bậc, cũng dơ tay chào miệng lẩm nhẩm “hãy dù kú gấn”. Ai cũng cười hiểu rằng hân muốn nói “Nhảy Dù cố gắng”, Doug cũng cười theo. Hân hiền khô ít nói, nhưng mỗi khi nhờ gì hân đều giúp đỡ tận tình, từ việc gọi hải pháo, phi vụ oanh kích, máy bay tải thương đến xin vật liệu xây cất doanh trại. Mấy chiếc xe của tiểu đoàn hết bình điện muốn nổ máy, kêu hân đến là xong ngay, đẩy xe

chạy băng băng một chút xíu, thả chân số là nổ máy liền. Hân có thêm một biệt danh khác là “cargo 5 tấn”, ý nói mạnh như xe vận tải 5 tấn.

Thỉnh thoảng hân còn mua tặng tôi cả đồ trong PX nữa. Lính trong tiểu đoàn gọi hân là “Đất”. Biệt danh đó cũng gần giống với tên thật. Mỗi lần gọi “Đất” hân chỉ nhe răng ra cười. Sau này biết được ý nghĩa của chữ “Đất” hân càng thích thú hơn. Một lần tôi hỏi hân, sao tên của bạn là Salvatore, hơi giống như Salvadore vậy, thế bạn có phải gốc Nam Mỹ không? Hân nói chẳng có liên quan gì cả, tổ tiên hân đến từ Tây Ban Nha.

Hân đã cứu tiểu đoàn tôi nhiều lần trong các cuộc hành quân thời “Mùa Hè Đỏ Lửa” nhờ xin được kịp thời những phi vụ yểm trợ vũ bão từ đệ thất hạm đội hay từ căn cứ Utapao bên Thái Lan.

Trong trận giải cứu An Lộc, tuyến phòng thủ của đại đội bị chọc thủng. Tôi bị một mảnh cối vào bụng, cắt hết nửa lá gan, máu ra lênh láng. Thằng Đất một tay bắn M16, một tay kéo tôi vào gốc cây cao su. Hân xin trực thăng tải thương vào bệnh viện dã chiến Mỹ, nếu không tôi chắc đã đi luôn rồi. Tôi mang ơn cứu tử của Đất từ ngày ấy. Sau trận An Lộc, hân về Mỹ. Tôi mất liên lạc với hân từ ngày tan hàng. Bây giờ lại gặp con hân ở đây, đúng là số Trời. Tôi mừng rỡ ôm lấy thằng bé, hỏi cuống quýt:

– Tao là bạn của Doug, ba mày bây giờ ở đâu?

Hân rơm nước mắt:

– Ba tôi chết cách nay 5, 6 năm rồi.

– Kể tao nghe đi, sao vậy?

– Ông bị đụng xe trên xa lộ bởi một người say rượu, chết ngay tại chỗ.

– Má mày đâu mà để mày đi lang thang như vậy?

– Má tôi có chồng khác, tôi không thể sống với cha ghẻ nên bỏ nhà ra đi.

– Mày đi má mày có biết không?

– Cả nhà còn ngủ, nào ai biết.

– Mày còn nhớ số phone nhà không.

– Tôi có đây, nhưng giá nào tôi cũng không về đâu.

– Tao đâu có nói là bắt mày về nhà, chỉ là gọi cho má mày yên tâm thôi, để bà khỏi báo cảnh sát, mày hiểu không?

– Dạ hiểu.

– Thôi được rồi, quãng đồ đạc lên xe

rồi đi theo tao.

Tôi dẫn thằng bé lại Motel 6 và book cho nó một đêm, thùng thẳng tính kế giúp đỡ. Dù sao nó cũng là con của người bạn đã có ơn cứu mạng với tôi, tôi quyết tâm cứu lại con bạn.

Có câu của Phật dạy “xây 7 cái gì gì đó, cũng không bằng cứu cho một người”

– Biết đâu cha nó đã dẫn nó lại cho tôi? Tôi dẫn thằng bé, tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo đàng hoàng, chờ tôi sẽ tới đón nó trong vòng hai tiếng đồng hồ nữa.

Tôi lái xe về sở, nói chuyện hoàn cảnh của thằng nhóc với xếp và mấy người bạn làm cùng nhóm, xin xếp cho nghỉ vài ngày để giúp đỡ nó. Mỗi người khuyên một câu, đại khái nói tôi phải cẩn thận với mấy đứa trẻ bụi đời. Chúng nó có cả ngàn chuyện rắc rối, hút sách,

đánh lộn, cướp giật, có khi nó còn thừa ngược lại là mình lợi dụng làm chuyện bậy bạ v.v...

Tôi đã quyết tâm cứu nó nên bỏ ngoài tai tất cả những lời khuyên chân thành đó. Tôi chở thẳng nhóc vào sở và giới thiệu với mọi người, đồng thời gọi điện thoại cho mẹ nó, cho biết nó đang đứng cạnh tôi và muốn nói chuyện với bà.

Tôi tránh ra một nơi để hai mẹ con nói chuyện được tự nhiên. Một lúc sau trở lại, nhóc nói mẹ nó muốn được tiếp chuyện tôi. Bả ngờ ý trao toàn quyền cho tôi và cầu xin tôi giúp cháu, bởi vì đời sống trong nhà bà như ở địa ngục, cha ghê con ghê không ngày nào là không gây gỗ nhau. Tôi chấp nhận lời khẩn cầu của bà, yêu cầu bà viết cho tôi tờ giấy, giao thẳng Mike cho tôi, hứa không kiện

tụng gì cả và phải có thị thực chữ ký đảng hoàng. Tôi cho bà địa chỉ nhà tôi, số điện thoại sở và phone nhà, cần gì cứ gọi cho tôi biết. Tôi nghĩ, có thể sẽ gặp rất nhiều rắc rối sau này, nhưng chấp nhận vậy. Xưa kia tôi đã từng chấp nhận biết bao rủi ro nguy hiểm khi ra trận, bây giờ có chút đỉnh nhằm nhò gì?

Tôi phân vân không biết có nên nói thiệt với bà xã không? Chắc phải nói rồi, nhưng dẫn nó về nhà chắc là bả không thể nào chấp nhận được. Đành phải gửi thẳng nhỏ lại bà chị. Chị có một quán ăn VN. Khi còn ở quê nhà, chị cũng mở nhà hàng nho nhỏ, từng nuôi nhiều tay anh chị trong quán cho nên du đãng không đứa nào dám phá phách hay đòi đóng hụi chết!. Tính tình chị phóng khoáng cởi mở, mấy đứa du thủ du thực đều nể mặt.

Buổi chiều, tôi dẫn thằng nhóc lại nhà hàng, kêu cho nó một đĩa cơm đồ biển thật to, thằng nhóc chỉ ăn một loáng là hết sạch, như thể đã nhịn ăn cả tháng rồi. Dặn nó ăn xong cứ ngồi đó. Đợi vài khách, tôi gặp chị, nói rõ hoàn cảnh của nó xin chị mở rộng tay cứu giúp nó, chỉ có chị mới giúp được nó thôi. Xin chị cho nó một chỗ ở tạm, còn mọi thứ khác tôi sẽ lo. Chị hơi lưỡng lự một chút, thở dài:

– Thôi được, sau khi đóng cửa tiệm, cậu chở nó về nhà, chúng ta sẽ nói chuyện với nó.

Tôi mừng rỡ quá xá, cảm ơn chị rồi rít, tôi quay đi để che giòng lệ tuôn trào, chị lúc nào cũng quan tâm và che chở bao bọc tôi. Cha mẹ mất sớm, chị săn sóc và nuôi nấng tôi như mẹ, lúc nhỏ tôi vẫn sống với chị cho đến khi nhập quân

ngũ. Những lần bị thương thập tử nhất sinh chị vẫn là người bên cạnh tôi. Lớn lên mỗi khi gặp rắc rối trong cuộc đời, tôi đều chạy đến chị. Thật là ông Trời đã cho tôi một bà chị để thay thế mẹ. Chị góa chồng từ năm 1970, ở vậy nuôi ba đứa con trai. Tôi và gia đình chị đã may mắn thoát được trong những giờ phút cuối cùng của miền Nam, nhưng đứa con thứ nhì của chị đã ra đi vĩnh viễn trên đường vượt biên, trong lúc con tàu còn lênh đênh trên đại dương.

Qua Mỹ, hai chị em xin được việc làm trong một nhà hàng tàu. Chị phụ nấu bếp, còn tôi làm chân “chạy bàn”. Chị bắt tôi phải đi học, chỉ cho làm cuối tuần thôi. Nhiều khi thấy chị vất vả quá, tôi xin chị cho tôi nghỉ học để phụ giúp gia đình nhưng chị cương quyết từ chối. Chị nhắc nhở tôi đó là bốn phận của

chị đã được cha mẹ giao phó trước khi nhắm mắt, phải lo cho tôi ăn học đến nơi đến chốn, thành gia thất đàng hoàng, nếu không sau này làm sao nhìn mặt các người nơi tuổi vàng.

Mỗi năm, vào ngày giỗ cha mẹ, chị bắt tôi phải thể trước vong linh các Người là không được bỏ học dù bất cứ hoàn cảnh nào, cho nên tôi cố gắng học, vật lộn với tiếng anh tiếng u, những phương trình đại số và toán giải tích. Những thứ đó chỉ còn lơ mờ trong trí óc căn cỗi của tôi sau bao nhiêu năm lăn lộn ngoài chiến trường.

Nhiều khi làm bài không kịp phải ngủ đêm ngay tại trường trong các phòng học.

Có lần mệt mỏi quá, tôi đã ngủ gục khi lái xe về nhà, rõ ràng tôi đã thắng

xe lại khi đến đèn đỏ, thế mà vẫn tông vào đít xe trước mặt. Báo hại phải năn nỉ chủ xe rồi bỏ tiền túi ra thưởng. Đã bao lần tôi muốn bỏ cuộc nhưng tôi tự nhủ “Nhảy dù cố gắng!” nhưng phần lớn vẫn là không muốn phụ lòng mong ước của chị.

Ngày tôi ra trường, khi nhìn thấy tôi được gọi tên lên lãnh bằng, chị là người la to nhất hơn cả mấy đứa nhóc. Chị sung sướng hơn cả tôi, tôi ra trường, nhưng mảnh bằng là của chị, công lao là của chị. Hai chị em ôm nhau chụp hình kỷ niệm mà nước mắt chị ướt trên ngực áo tôi. “Thế là tâm nguyện của chị đã thành, chỉ còn việc cưới vợ cho cậu nữa là xong” chị nói với tôi như thế trong buổi tiệc ăn mừng. Tôi đã già đầu rồi, bao nhiêu năm chiến trận, đã từng chỉ huy hơn một đại

đội nhảy dù, thế mà chị vẫn nghĩ tôi còn như là con nít.

* * *

Trở lại chuyện thằng nhóc, 10 giờ tối, tiệm bắt đầu dọn dẹp đóng cửa. Tôi dẫn nhóc lại giới thiệu với chị và xin phép chị chở thằng nhóc về nhà trước.

Tôi cắt nghĩa qua loa về phong tục tập quán của người Việt, kính trọng người lớn tuổi hơn mình, nhất là người già cả, thế nào là “tiên học lễ hậu học văn”, kính trên nhường dưới.

Những điều căn bản đạo đức của người Việt không tìm thấy trong sách giáo khoa ở trên đất Mỹ này. Nhóc hứa với tôi từ nay sẽ chăm chỉ học hành không la cà hút sách nữa. Nghe vậy tôi

cũng yên lòng. Tôi thấy thương nó như chính con tôi vậy.

Buổi tối, cả nhà quây quần trong phòng family room. Thằng nhỏ được mang ra trình diện:

– Đây là Mike, còn đây là bà Ánh, hai người con của Bà là Dũng và Trí.

Cả nhà bắt tay nhau và nói lời chúc tụng xã giao. Bà chị tôi dặn thằng Mike:

– Từ nay con gọi ta là má Ba, mặc dù tên của ta là Ánh, ta đã nhận con là con, ta sẽ đối xử với con như hai đứa con của ta, con có chịu không?

Thằng nhóc nói lý nhí:

– Yes má Ba.

– Con bao nhiêu tuổi?

– Dạ 13.

– Thằng Trí 16 là anh Hai, Thằng Mike ta đặt tên VN là Mai là anh Ba, thằng Dũng trẻ nhất 12 tuổi là Út cũng gọi là thằng Tư nghe chưa.

Tất cả đều dạ ran, Thằng Mike chẳng hiểu đầu đuôi ra sao tôi phải cắt nghĩa cho nó hiểu.

Con lớn nhất của má Ba nick name gọi là number Two, nó được gọi là number Three, trên thằng Tư một bậc.

Nó thắc mắc sao không có number One. Má Ba trả lời đó là luật lệ. Còn luật nữa là ở nhà chỉ nói tiếng Việt thôi. Bắt đầu từ ngày mai, thằng Mike cũng phải nói tiếng Việt. Má Ba cho một đặc ân, trong mấy tháng đầu, nếu thằng Mike không biết tiếng Việt cho phép thằng

Hai và thằng út nhắc nhở.

Chị tôi nói tiếp:

– Ngày mai cậu Út dẫn thằng Mike đi xin học, về nhà phải học và làm bài tới 9 giờ tối, sau đó muốn coi TV hay làm gì khác tùy ý, 10 giờ tối phải đi ngủ. Chủ nhật phải đi lễ sớm, thằng Mike phải ghi danh học Việt Ngữ ở trường Nhà Thờ như hai đứa kia. Thằng Út lên dọn phòng cho thằng Mike ngủ.

Tôi cười nói với chị:

– Toàn là “phải” này “phải” kia y như bà “xếp” của em vậy. Thằng Mike “phải” nghe lời Má Ba nghe chưa!

Nhóc vội vàng trả lời:

– “Yes, Sir!”

Chị lườm tôi:

– Mấy đứa này phải dạy kỹ càng như vậy mới được, còn không vào lỗ tai này ra lỗ tai kia mất cậu ơi!

Hướng về thằng Mike chị tôi hỏi:

– Sao mà y bụi đời.

Thằng Mike rớm nước mắt, ngập ngừng một lúc mới thốt nên lời:

– Má Ba ơi, con rất cô đơn và buồn khổ, lớn lên không cha. Cha ghẻ của con là một người cóc cằn, khó tánh và nghiện rượu, trong nhà cãi lộn xảy ra hàng ngày. Tất cả giận dữ của mẹ và cha ghẻ đều đổ lên đầu con. Cuối cùng con phải bỏ nhà ra đi.

– Rồi mà y ở đâu, làm sao mà sống?

– Con phải ngủ dưới gầm cầu hay trốn vào mấy căn nhà bỏ trống. Ăn cắp

đồ, lục thùng rác hay bán cần sa ma túy để kiếm sống.

Chị xoa đầu thằng nhóc và khuyến khích nó rồi dẫn tôi đến thấp nhang bàn thờ cha mẹ, hứa sẽ chăm nuôi thằng Mike như con chị. Chị nói với tôi có lẽ Chúa mang thằng Mike cho chị, để an ủi chị những lúc thương nhớ thằng con đã bỏ chị ra đi. Thế là chị lại có ba đứa con như xưa. Tôi thấy chị lau vội hai giọt nước mắt vừa lăn trên má.

* * *

Bà chị tôi áp dụng luật lệ giang hồ và rất nghiêm khắc với mấy đứa con. Anh rể tôi qua đời từ khi mấy đứa còn rất nhỏ. Anh là một Phật tử thuần thành, vẫn hay đi Chùa vào những dịp lễ lớn. Chị

là con chiên của Chúa, hai người khác đạo nhưng vẫn sống với nhau hòa thuận, đạo ai nấy giữ, mấy đứa con thì vừa cho đi nhà thờ vừa cho đi chùa. Sau khi anh mất chị ở vậy, làm ăn vất vả để nuôi con ăn học.

Qua Mỹ, tôi và chị đi làm công một thời gian, hai chị em để giành được một số vốn nhỏ rồi mở tiệm ăn VietNam. Bạn bè Mỹ của mấy đứa cháu đến nhà chơi phải nói tiếng Việt và ăn đồ ăn Việt Nam. Có lần chị giải thích với mấy đứa con:

– Chúng mày tới nhà bạn phải nói tiếng Mỹ, tiếng của cha mẹ chúng nó phải không? Ăn đồ ăn của cha mẹ chúng nó phải không? Vậy thì chúng nó cũng phải nói tiếng Việt và ăn đồ ăn của tao, thế mới công bình chứ.

Mấy đứa con hết ý luôn.

Mấy đứa nhóc Mỹ ăn đồ ăn VN riết rồi đâm ghiền, món gì cũng không từ, nước mắm, mắm tôm cũng mê luôn. Chúng gọi mắm tôm là mắm “con chuột”.

Chỉ một thời gian ngắn, thằng Mike đã có thể nói chuyện thông thường hằng ngày bằng tiếng Việt. Nó lớn lên trong tình thương gia đình của chị tôi, nó rất hãnh diện có một mái nhà ấm cúng và một người mẹ thương yêu chăm sóc cho nó .

Ngày thường cả ba đứa nhỏ đều đi học.

Ngày Chủ Nhật, sáng đi lễ nhà thờ rồi theo học lớp Việt ngữ tại đó, chiều đi lên chùa học võ VOVINAM và họp Hướng Đạo.

Ngày này qua tháng nọ, thằng Mike đã thành một đứa nhỏ Việt Nam từ cách ăn nói lễ phép, đi thưa về trình hăn hỏi, biết khoanh tay chào người lớn tuổi, biết cầm hai tay dâng đồ ăn cho má Ba, biết quỳ lạy trước bàn thờ cha mẹ tôi. Ngày Tết cũng biết mừng tuổi chị tôi, biết cầm cờ vàng đi biểu tình ngày quốc hận. Nó hòa đồng với tụi nhóc VN chẳng khó khăn gì. Gặp người Việt họ vẫn tưởng Mike là đứa con lai, ai cũng khen ngoan và lễ phép, có đâu ngờ rằng nó là thằng Mỹ con chính hiệu con nai vàng!

Nếu mấy đứa con nít Việt Nam lớn lên trên đất Hoa Kỳ bị gọi là “Chuối”, ngoài da vàng, nhưng trong đầu óc đã Mỹ hóa hoàn toàn! Thì phải gọi thằng Mike là bánh bao, ngoài thì trắng trong nhưng trong đầu thì hầm bà lằng đủ thứ.

Mike và thằng út học chung một lớp, đi đâu cũng có nhau, anh em rất thân thiết. Nó hay săn sóc hỏi thăm sức khỏe chị tôi, bắt chước thằng Út rót nước mời chị mỗi khi chị đi làm về, đôi khi còn nấu những món ăn nhà quê của người bản xứ mời chị ăn. Má con càng ngày càng thăm thiết. Chị cũng rất thương nó, có khi còn hơn cả mấy đứa con ruột của chị. Chị vẫn hay than thở với tôi:

– Tội nghiệp thằng Mike, có mẹ cũng như không.

* * *

Một hôm chị nhờ tôi vô trường xem có chuyện gì xảy ra cho thằng Mike và thằng Út, vì nhà trường yêu cầu chị đến đón chúng nó về nhà. Hai đứa đã đánh

lộn với một đám học sinh khác trên xe bus và bị đuổi học hai ngày. Chị tôi chửi cho một trận nên thân và phạt đứng úp mặt vào tường 2 giờ và dặn lần sau không được đánh lộn nữa:.

– Tại sao hai đứa mày đánh lộn, chị hỏi.

Thằng Mike giành phần:

– Tại mấy đứa học sinh trên xe bus chọc ghẹo thằng Út ăn hiếp nó, gọi nó là “chink choong” hay “Ê Chinese go home”. Con đã nói cho chúng biết là thằng Út với con là anh em, chúng nó không chịu để yên thằng Út. Thế là đánh nhau.

– Lần sau phải thưa nhà trường, không được đánh lộn nghe không?, tao bảo không nghe, tao không chửi bằng tiếng Việt nữa đâu. Tao sẽ ra trước cửa

nhà chửi chúng mày bằng tiếng Mỹ cho tất cả hàng xóm nghe cho xấu hổ cả lũ.

Từ đó thằng Mike không dám đánh lộn nữa.

Mai và Út ra High School cùng một lượt, rồi ghi danh vào UT (University of Texas at Austin) cùng với anh Hai của chúng. Tôi mua cho hai đứa một chiếc xe Toyota nhỏ để thỉnh thoảng về thăm nhà. Tôi nhận phần trợ cấp tài chánh cho ba đứa nhỏ thêm vào số tiền trợ cấp của chính phủ, để tiếp tục chương trình đại học. Chị tôi cuối tuần nào cũng lái xe lên Austin để tiếp tế đồ ăn cho mấy nhóc. Chị một đời làm thân cò lặn lội bờ ao, nay tóc đã bạc quá nửa, con cái đã đi hết, nhà cửa thật trống vắng. Tôi mời chị qua ở chung với tôi, nhưng chị một mực từ chối, tôi phải biểu mấy đứa nhỏ nhà tôi qua thăm hỏi chị luôn. Đôi khi chúng

ngủ luôn lại nhà chị và coi chị như mẹ chúng.

Một hôm tôi nhận được cú điện thoại của thằng Mike gọi về:

– Cậu Út ơi, cứu con với.

– Mà làm sao vậy?

– Con đang ở City Jail! Cậu đừng cho má Ba hay nghe, bà biết được, chửi con thì cả hàng xóm đều biết, con xấu hổ lắm không dám về nhà đâu.

– Mà biết xấu hổ sao còn làm vậy.

– Con bị oan Cậu ơi.

– Máy thằng trong tù, đứa nào mà chẳng kêu oan.

– Cậu không tin con, chứ ai tin con bây giờ?

– Nói tao nghe thử oan nỗi gì.

– Con gọi điện thoại trong nhà tù, chỉ được gọi giới hạn thôi. Cậu lên đây bail con ra rồi con sẽ giải thích cho Cậu nghe, Cậu phải tin con mới được.

Tôi sợ thằng Mai dính vào cần sa ma túy thì tiêu đời, tôi vội hỏi nó:

– Mà buôn bán ma túy phải không?

– Đâu có nào, con bị cảnh sát gài bẫy, nói là con solicit prostitutes.

Tôi thở ra nhẹ nhõm, chỉ là tội thường phạm thôi, chắc chỉ bị cảnh cáo hay làm public service vài giờ là cùng.

– Thôi được, mai tao sẽ lên đó lãnh mày về.

Sáng hôm sau lên đến nơi, Mike đã được chuyển về nhà tù của County rồi.

Tôi phải nhờ văn phòng “Bail Bond” để lãnh nó ra, trả hết 500 Đô tiền bail và \$250 tiền lệ phí cho văn phòng. Sau khi nạp tiền bail, thằng Mike được thả ra chờ ngày ra tòa. Tôi hỏi Mike:

– Mà nói cho cậu nghe, làm sao mà cảnh sát bắt mày?

– Cậu ơi, oan con thiệt mà. Sáng hôm qua con đi đổ xăng, thấy có con nhỏ bị hư xe, con tới coi giúp nó, cuối cùng là chẳng có hư gì cả chỉ là hết xăng thôi.

– Nó ăn mặc sexy lắm phải không?

– Sao cậu biết?

– Thì nó muốn làm mờ mắt mày để nó nói gì thì mày cũng OK, tao còn lạ gì chuyện đó.

– Cậu còn chọc quê con nữa! Con

nhỏ nói nó đi bụi đời vì không ở nhà được với cha ghê, mấy hôm nay xài hết tiền rồi, chẳng còn xu teng nào trong túi. Con nghĩ tới hoàn cảnh của con ngày xưa nên muốn giúp nó, giống như cậu đã giúp con vậy.

– Thế tao giúp mày tao có bị cảnh sát bắt không?

– Cậu đừng la con nữa mà. Nó nói cái gì nhỏ lắm con nghe không rõ con nghĩ là nó muốn xin tiền để đổ xăng. Dù nó không xin thì con cũng cho mà, thế là con đưa cho nó 20 Đô. Con nhỏ vừa cầm tiền là đám cảnh sát chìm nhào tới còng tay con liền. Con hỏi tại sao họ bắt con, họ nói là con mắc tội mua dâm. Con nói chỉ là cho tiền con nhỏ đổ xăng thôi, không tin cứ hỏi con nhỏ kia thì rõ, đám cảnh sát nói mai mốt ra Tòa mà cãi.

– Con nhỏ đó cũng là cảnh sát chìm để gài bẫy mày thôi, mày xập bẫy rồi làm sao ra được.

– Con xin con nhỏ nói vài lời công bằng cho con, nó chỉ cười cười thôi. Con muốn đọc cho nó mấy cái quá đi.

– May mà mày không đọc nó, chỉ nặng tội thêm, thôi được đi kiếm cái gì ăn đã, tội mày cũng nhẹ, để tao nhờ luật sư lo cho. Lần sau muốn giúp ai phải cẩn thận. Mày phải lựa lời nói cho Má Ba biết, kéo mai một bả biết được thì liệu hồn đó.

– Vậy tối nay con sẽ gọi cho má Ba, Cậu nhớ nói giúp con một tiếng nghe, không thôi bả chửi con sặc máu đó.

– Người ta nói “oánh sặc máu” chứ chửi sặc máu sao được mày!

– Thì con nói vậy Cậu hiểu rồi, má con chửi cũng sặc máu đó Cậu ơi!

– Biết dzậy sao còn làm bậy.

– Con oan mà cậu.

Tôi nhờ văn phòng bail bond giới thiệu một luật sư, giá 300 Đô lệ phí.

Vì chưa có tiền án, thằng Mai chỉ bị phạt 2 ngày làm công tác công đồng thôi.

* * *

Mike và Út ra trường cùng một lượt. Chị Ba và tôi cùng đi dự lễ mãn khóa, Chị rất mừng, ôm hai đứa con mà mắt đỏ hoe nói với chúng:

– Các con ơi, đây là sự thành công lớn nhất trong đời Má, tất cả các con đã

thành tài và nên người.

Mẹ ruột của Mike vì bệnh nặng không thể đến được, ba ghẻ của nó thì cũng không muốn đến. Thằng Út được hãng Boeing ở Seattle nhận vào làm, Út ở chơi với Mẹ hai tuần rồi đi nhận việc. Thằng Mike đã có ý ở nhà với chị tôi, nên ngờ ý:

– Má à, đã từ lâu con nghĩ, anh hai và thằng Út đều đi làm ở xa, con muốn ở lại nhà để săn sóc Má, cho nên con đã nộp đơn vào trường Baylor College of Medicine ở Houston. Khóa Fall sắp tới sẽ nhập học. Con xin Má cho con về thăm Mẹ con ở OMAHA rồi trở lại ngay. Từ nay con sẽ mãi mãi ở nhà với Má và chăm sóc cho Má suốt đời.

Chị tôi rất cảm động khi nghe những lời chân tình đó, không cầm nổi nước

mắt, ôm thằng Mai khóc vui:

– Má rất cảm ơn con đã lo cho Má, con không cần phải làm vậy, Má tự lo được mà.

– Má không sinh ra con nhưng đã cứu vớt con từ bãi sinh lầy và ban cho con đời sống mới đầy ấp tình thương, chăm chút cho con từng miếng cơm manh áo. Không kể những ngày đau ốm bệnh hoạn, Má luôn luôn ở bên con, cầu nguyện cho con chóng khỏi. Tha thứ cho con bao lỗi lầm.

– Thiên Chúa đã mang con giao cho Má, Má chỉ làm bổn phận của một người mẹ như bao nhiêu người mẹ khác trên thế gian này.

Mẹ ruột thằng Mike bị ung thư phổi, qua đời chẳng bao lâu sau đó. Tôi

và thằng nhóc bay về Omaha đưa đám, đó là lần cuối cùng nó gặp lại mẹ và cha ghẻ. Ông nay cũng đã già lắm rồi, những chuyện cũ hầu như không nhắc lại nữa, nhưng khoảng cách thì vẫn còn đó. Khó cho ai mở đầu một cuộc hòa giải, mặc dầu cả hai đều muốn. Tôi phải làm một nhíp cầu để hai người bắt đầu đối thoại và tha thứ cho nhau. Chỉ là những hiểu lầm thôi. Ngày chia tay, Ông già và thằng Mike ôm nhau khóc vui, những giọt hờn đều trôi theo dòng nước mắt.

* * *

Mấy năm qua thật mau, Thằng Mike ra trường và nội trú tại Texas Children Hospital trong khu vực Medical Center ở Houston.

Nó muốn trở thành một Bác sĩ con nít để săn sóc cho trẻ em, nhất là những trẻ em bụi đời. Thằng Mike bây giờ đã là một Bác Sĩ; Dr Michael Salvatore nhưng với tôi nó vẫn chỉ là thằng nhóc bụi đời. Nhóc được rất nhiều trường học và Juvenile Probation Center mời đi nói chuyện về đề tài “Run Away From Home”. Trẻ Em Bụi Đời... Nó trở thành một thần tượng của đám con nít vô gia đình.

Nhưng không phải đứa nào cũng may mắn như nó, phải có một cơ duyên và một quyết tâm sắt đá mới vượt qua bao thử thách. Đường đời có bao nhiêu ngã rẽ, và được mấy khúc phẳng phiu?

Minh Đạo – Nguyễn Thạch Hân

“HOMELESS” Ở ĐẠI LỘ BOLSA



Hình chụp trước cửa văn phòng Hội
Thánh Tin Lành

ngay kế bên cạnh BBQ Liên Hoa.

Hình do tác giả cung cấp.

Tác giả tên thật Chu Toàn Thắng, sinh năm 1962 hiện là cư dân Garden Grove. Công việc: Minister at Community of Agape Love Church. Bài Viết Về Nước Mỹ đầu tiên của ông là “Chỉ Cần Một Tay” đã phổ biến đầu năm 2016. Bài viết thứ hai kể về những ngày cuối năm của một gia đình gốc Việt có người chồng, người cha từng là sĩ quan VNCH, cựu tù nhân, và có người con mất tích trên đường vượt biển tìm tự do. Bài mới nhất “Homeless ở Đại Lộ Bolsa” của ông phác họa những mảnh đời bất hạnh vô gia cư trên con đường Bolsa, ngay giữa lòng cộng đồng người Việt. Mong tác giả tiếp tục gửi bài.

* * *

Người Việt hải ngoại hãnh diện về “thủ đô tỵ nạn” Little Saigon. Sau 49 năm từ 1975 Miền Nam bị mất nước đến nay đã có 5.4 triệu Việt hải ngoại, trong đó 2.4 triệu ở Mỹ gồm 1.2 triệu ở California trong đó 300.000 quanh “thủ phủ” Little Saigon gồm năm thành phố Garden Grove, Stanton, Westminster, Fountain Valley, và Midway.

Nghe Little Saigon là nghĩ ngay tới Bolsa Ave, một trong những đại lộ đông người Việt nhất Quận Cam, nhất là từ khúc đường Magnolia đến Brookhurst, và cũng lắm người Việt vô gia cư “homeless” nhất.

Chúng tôi mới treo bảng God Is Love cho văn phòng hội thánh Tin Lành cạnh BBQ Liên Hoa đường Bolsa ngày 22/12/2023 mà đã chứng kiến nhiều

cảnh đời “homeless” éo le vui buồn lẫn lộn.

Bề mặt trước văn phòng phân nửa là cửa kính, phân nửa là gạch, nên đứng ngoài nhìn vào ai cũng tưởng văn phòng này chỉ tính từ cửa kính, gây hiểu lầm văn phòng không có quyền gì phần sân trước tường gạch. Nên lắm “homeless” tụ tập ở đây.

Theo tôi, có khoảng 50–70 người homeless sống quanh Bolsa Ave giữa Magnolia và Brookhurst.

Hường và Tâm

– Chào anh, người Việt mình có phố Bolsa cũng đỡ cho người homeless như tụi em lắm.

Người homeless lần đầu tiên tôi gặp khi mở cửa văn phòng mở lời gọi chuyện.

– Chào anh, tôi tên Thắng. Anh tên gì? Tôi trả lời.

– Em tên con gái, tên Hương.

– Con trai cũng có tên đó mà – tôi đáp đỡ lời anh – À, mà Hương nói ‘phố Bolsa đỡ cho người homeless’ là sao?

– Thì tụi em không bị đuổi đi hoặc bị kỳ thị như ở các khu business khác.

Hường hí hửng nói khi thấy tôi dễ chịu.

– Ngoài ra tụi em còn được cho ăn nữa đó. Có khi được tiền nữa.

Rồi Hương tự nhiên kể về đời anh như đã quen tôi lâu lắm rồi.

Anh vượt biên qua Mỹ lúc 14 tuổi với bà dì định cư tại Iowa. Rồi 18 tuổi anh ham chơi tụ năm tụ bảy với bạn bè toàn Mỹ Trắng đưa đến nghiện ngập rồi homeless. Anh có hai con với một thiếu nữ Trắng, rồi bị bắt vì tội nhiều lần đốt thùng giấy để sưởi ấm đêm đông lạnh.

Ra tù không nhà không cửa, không vợ không con, anh về San Jose, Cali, sống với bà dì khi ấy là chủ nhà hàng. Nhưng anh phải làm việc 14 tiếng một ngày để đổi lại free ăn và ở.

Được vài năm, anh không muốn chôn đời mãi không thấy cả mặt trời vì khi đi làm ông trời chưa thức, và khi về thì ông trời đã ngủ từ lâu, anh lại lang thang xuống Little Saigon phố Bolsa.

– Ở đây tuy homeless nhưng em vẫn không đói, có tiền lai rai ngày vài đồng

mua đủ bao thuốc lá, chỉ có ngủ thì hơi lạnh nhưng em cũng quen rồi. Còn tắm thì cứ \$25 một tháng membership ở gym 24 Fitness là êm thôi. – Hường tự tin kể lễ – Quan trọng nhất là tự do anh ạ.

Đang dở dang câu chuyện thì một người homeless nữa đến.

– Anh tên gì? Tôi mở lời.

– Tâm.

Anh cộc lốc trả lời. Rồi anh móc gói thuốc lá Denim made in Germany, hút hai điếu cùng lúc.

– Anh hút thuốc lạ quá, – tôi ngạc nhiên hỏi, – anh không sợ sặc sao?

– Hút vậy mới đã anh. Thuốc này cũng rẻ. Em mua \$2 một gói, bán lại \$4.

Tâm huyền thuyên nói về đời anh mà không cần tôi hỏi.

– Ủa, vậy Tâm bán cho ai?

– Cho mấy đứa bụi đời như em nè anh. Đôi khi gặp khách các quán café em cũng mời mua. Miễn bán một ngày 10 gói là ầm đủ tiền ăn sang rồi anh.

– Vậy sao họ không mua thẳng giá \$2?

– Nó đâu biết chỗ gốc đâu anh. Em nhờ Trời cho biết mảnh chơi với đám Mỹ Đen vì nó tưởng em cũng Đen.

– Vậy Tâm sanh ở đâu? Tôi ngạc nhiên hỏi.

– Ở Long Xuyên anh ơi. Mà em không biết má em. Nghe nói má sanh em xong đem cho bà vú nuôi, tới giờ em

chẳng biết má em và ba em là ai. Chỉ biết em lai Đen rồi qua Mỹ với vú nuôi và em trai nuôi.

– Mừng cho Tâm. – tôi an ủi anh –
Mà sống độc thân như Tâm cũng vui.

– Đâu có. Em có con vợ. Mỗi tháng em cho nó \$50 và con nó \$50 để nó dẫn em đi bác sĩ hoặc đi đâu cần giấy tờ, vì em không biết chữ, không biết ký vào đâu. Nói vợ cho oai chứ em với nó có chung nhà đâu.

Tâm vừa nói hăng say vừa cười hồn nhiên.

– Vợ không ở chung là sao? Tôi tò mò.

– Nó ở viện tâm thần, một tuần được ra ngoài đi chơi với em một lần. Em đón nó bằng xe bus rồi hai đứa lang thang

khu Bolsa đông người Việt cũng vui lắm anh ơi. Mười mấy năm nay tụi em sống vậy rồi đó.

Thế cũng hết một ngày vui suy gẫm chuyện đời ở Phố Bolsa với những người chân chất.

Ngọc

Trời mưa liên tục bốn hôm thì thật lạ ở Phố Bolsa. Lại thêm gió giật có khi lên đến 18 miles/giờ.

Thế mà chị Ngọc lang thang ướn nhẹp người đủ để cảm lạnh.

– Anh có khăn dư hoặc giấy chùi tay cho em xin lau người ạ.

Chị tạt vào văn phòng tôi lúc xế chiều khi các tiệm đóng cửa gần hết.

– Chị ngồi đây sưởi ấm đi.

Tôi lấy chiếc máy sưởi nhỏ đem lại để trước chị.

– Chị tên gì?

– Em tên Ngọc. Em ở Texas, mới qua được hai tháng. Con cháu nó đem em qua đây rồi bỏ em một mình. Nó bay đi South Carolina làm nails rồi. – Chị huyền thuyên – Mà cũng có cái may, nhờ vậy em mới homeless, tháng kiếm được từ \$1,000 đến \$2,000.

– Thế là chị giàu hơn tôi rồi. Bệnh đã có Medical, SSI thì được thêm \$1,100.

Tôi nói đùa.

– Không, vì em không có giấy tờ gì cả. Em mất hết tất cả giấy tờ, chỉ còn nhớ số security thôi.

Ngọc lại huyền thuyên:

– Em lấy chồng Mỹ gốc Việt rồi qua Mỹ năm 2012. Sáu tháng sau ly dị. Em lấy chồng lần hai có một con gái năm 2014, rồi cũng bỏ nhau. Đứa con gái thì chính phủ đưa cha mẹ nuôi vì lúc ấy em bị khủng hoảng rồi bệnh tâm thần luôn. À không, chắc em bị tâm thần hồi ở Việt Nam sau cú té xe đập đầu xuống đất. Em cũng không biết. Nhưng chắc là em bị tâm thần.

– Tôi thấy chị bình thường mà. Tôi an ủi Ngọc.

– Anh có miếng giấy và cây viết thì cho em mượn.

Ngọc trở mắt nhìn tôi nói như thể chị cần viết điều gì đó lắm.

– Màu đen và màu đỏ càng tốt nha anh.

Tôi làm theo yêu cầu Ngọc. Ngọc cầm cúi viết tên chị, tên con gái, ngày sanh cả hai, ký tên, rồi cứ thế viết lại đây cả hơn ba trang giấy. Là tên chị mực đen, tên con gái mực đỏ.

Nước mắt Ngọc bắt đầu lăn xuống quỵện lấy những giọt mưa chưa lau ráo hết. Phải chăng nước mắt Trời và nước mắt người đều giống nhau!

– Ủa sao tên em mực đen mà tên con em mực đỏ?

Tôi ngạc nhiên hỏi.

– Đời em đen quá anh ơi! Em muốn đời con em số đỏ như Pechanga tiền vô như nước,

Ngọc mếu máo.

– Em hay đi sòng bài lắm à?

– Không, nhưng em thấy xe bus Pechanga đỗ chét có hình mấy cô gái cười tươi lắm nên em nghĩ Pechanga hạnh phúc lắm.

Rồi Ngọc cảm cúi viết tiếp với nụ cười thỉnh thoảng trên môi như đang đùa giỡn với những kỷ niệm cùng con gái.

Ngọc đứng dậy bất ngờ như khi mới đến.

– Em muốn cúng tiền cho hội thánh.

Ngọc vừa nói vừa nhìn quanh tìm hộp lặt hiến.

– Một tháng em cúng \$500 đó anh. Em cứ lang thang thấy đâu có hộp từ

thiện là em dâng. Của Trời cho em chứ có phải của em đâu!

Lạy vài lạy trước hộp lặt hiến sau khi bỏ vài đô vô hộp, rồi Ngọc chậm rãi ra đi với thùng xe kéo đầy đồ đạc lủng củng.

Trời vẫn mưa lất phất phủ choàng lên áo len Ngọc như những giọt nước mắt không tan.

Trường và Long

– Wow, lâu lắm mới gặp lại anh Thắng.

Trường reo lên khi gặp tôi:

– Đã mấy năm rồi đó.

– Ừm, gặp Trường vui quá. – Tôi đáp,
– Giờ ở đâu?

– Em qua boarding care ở Chapman. Đây là anh Long. Anh Thắng nhớ anh Long trước ở với em ở Lampson không? Anh Long giờ “homeless” rồi.

– À, tôi nhớ anh Long lúc trước ở chung nhà Trường khi tôi ghé thăm. Lâu lắm rồi đó. Anh Long khoẻ không?

Tôi quay sang hỏi anh Long.

– Khỏe gì mà khoẻ. Giờ “homeless” rồi anh ơi. Tôi ở chung nhà mấy đứa đó mec sở xã hội tôi hút cần sa nên họ cắt tiền tôi rồi.

Anh Long nhìn tôi rầu rầu nói.

Từ đó cứ mỗi sáng anh đều ghé văn phòng tôi xin ly cà phê hoặc trà nóng rồi ngồi trước cửa văn phòng phía tường gạch.

Nhưng không bao giờ anh uống. Chỉ ngồi dăm phút rồi lững thững ra đi để lại đồng ly và giấy chùi miệng.

– Anh Long uống xong nhớ vứt ly vào thùng rác nha. Đừng đổ nước đầy sàn rồi xả rác đó rồi đi. Tôi dọn mệt lắm nha.

Tôi nhẹ nhàng nhắc anh.

Tết là lần cuối cùng tôi hết kiên nhẫn với anh khi anh vào ngồi ghế văn phòng đúng lúc bữa ăn trưa Tết mừng hai.

– Chúc năm mới Giáp Thìn anh Long tìm được chỗ ở nha. Anh ăn gì không?

Tôi vốn vã tiếp anh.

– Yes, cho tôi chén cơm thịt kho Tàu với hai quả trứng đi.

Anh Long điềm tỉnh nói. Anh lúc nào cũng điềm tỉnh.

– Đây, mời anh.

Anh ngồi nhìn thức ăn phút chốc rồi bật dậy bỏ đi không nói một lời, không ăn một miếng.

Chắc anh nghĩ, “Đây là thuốc độc.”

Lân

Cô Bạch gọi phone tôi hỏi:

– Anh có thể giúp tôi giúp em Lân “homeless” này cai nghiện được không?

Tôi trả lời liền:

– Được nếu người đó chịu theo chương trình Celebration Recovery. Lân theo cha mẹ qua Mỹ diện H.O. năm 1992

khi em mới 2 tuổi. Lân rất gần gũi mẹ đến tận năm 12 tuổi thì mẹ mất gây cú sốc khủng hoảng cho Lân, khiến Lân trầm cảm và sa vào nghiện thuốc theo toa.

Vừa xong high school thì Lân bắt đầu bỏ nhà đi lang thang dù không theo bè kết đám nào cả.

Lân cao 5’9, đẹp trai, trông rất giống trai Nam Hàn, lúc nào cũng ăn mặc tươm tất. Tâm thì rất thiện, không làm phiền hoặc hại ai bao giờ. Thật không thể ngờ Lân lại thành “homeless” vì nhớ mẹ, không muốn ở nhà mà chỉ muốn lang thang.

– Chú có gì cho con ăn không?

Lân đến văn phòng tôi đêm chúng tôi họp mặt tất niên.

– Có nhiều lắm, nào cơm chiên, gà nướng, gỏi, và nhiều nữa.

– Cơm chiên đi chú.

Lân vừa nói vừa run tay mở nắp hộp thuốc theo toa rồi nốc liền ba viên mà tôi không biết thuốc gì.

Sau khi no nê cả thức ăn, Lân trút đổ tâm sự.

Ba Lân là sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa bị tù cải tạo tám năm đủ tiêu chuẩn qua Mỹ diện H.O. Lân là út trong nhà cách người anh kế đến 15 năm, nên bao nhiêu tình thương gia đình dành hết cho Lân, nhưng cũng không đủ giúp Lân thoát cuộc tìm lãng quên bằng thuốc theo toa.

Bo

Anh Bo bước vào văn phòng tôi với thùng loa karaoke khổng lồ đủ loại dây nhợ và microphone.

– Mời anh ngồi. Sao anh biết đây mà đến? Tôi hỏi anh.

– Em ngồi ăn ở Phở Lover, thấy cái bảng God Is Love nên lấy làm lạ vào hỏi thăm xem là gì. Bo ôn tồn nói.

Rồi Bo tự dưng kể về đời gian truân của anh từ tiểu bang lạnh mấy chục năm qua, lần đầu về sống ở Bolsa vì nghe nói “đất lành chim đậu” ở đây. Rồi chuyện tù tội oan đến chuyện lang thang hát vỉa hè các khu chợ Việt Bolsa.

– Để em thử hát cho anh nghe nha.

Bo vừa nói vừa cắm điện máy karaoke.

Giọng anh hay và khỏe lắm, có lẽ nhờ anh lai Đen. Phải công nhận thế giới phải biết ơn người da Đen về đóng góp thể thao và âm nhạc của họ.

Một người, rồi hai người, rồi nhiều người thập thò trước văn phòng tôi nghe anh hát.

– Em kiếm được vài chục đô-la một ngày đó anh. Có người cho \$100 luôn đó.

Bo ôn tồn nói. Bo có điểm đặc biệt đó: rất ôn tồn.

Cứ vài ngày là Bo ghé thăm tôi. Có khi chỉ xin gói mì, hoặc ly coffee.

Tình cờ hôm đó ông Michael ghé văn phòng tôi để vận động tranh cử Supervisor OC và gặp Bo.

– Xin giới thiệu anh Michael đây là Bo có giọng hát như ca sĩ pro. Anh có cần ca sĩ hát giúp vui ngày mai trong cuộc vận động tranh cử của anh không?

Tôi chụp lấy cơ hội để giới thiệu Bo.

Thế là ông Michael và Bo sắp lại sôi nổi lên chương trình văn nghệ.

Ba tuần sau, Bo ghé lại gặp tôi để nói tạm chia tay về Việt Nam lấy vợ.

– Ô, chúc mừng Bo.

Tôi ngạc nhiên:

– Sao quen hay thế! Bo đi bao lâu?

– Dạ, năm tháng. Bo hớn hờ nói – Tất cả là ơn Chúa. Thank you mục sư giúp em những ngày qua.

Thật không gì là vô ích khi người Việt

dành thì giờ giúp đỡ nhau. Đạo Phật gọi là “duyên.” Đạo Chúa gọi là “tình”.

Tí

Ít người “homeless” như anh Tí được diễm phúc ngủ trên xe như là “phòng” riêng. Tí được thiện cảm với mọi chủ tiệm khu này, có lẽ nhờ anh hoạt bát, lanh lẹ, và dễ kết bạn.

– Anh đừng sợ gì nha, có em lo cho.

Tí thì thầm với tôi khi tôi đứng trước văn phòng mới mở này.

– Anh xem clip này nè, đứa nào lạ mặt lảng vảng đây cách khả nghi là em đuổi nó liền.

Tí vừa nói vừa cho tôi xem video clip trên điện thoại Samsung của anh.

Mà quả thật vậy, hôm đó tôi đến văn phòng để cầu nguyện 3:30 sáng. Trời lạnh 43 độ F. Một ông cao, to, râu ria, nên không chắc chắn không phải người Việt, trùm kín chắn, đẩy xe shopping đi vòng vòng bãi đậu xe.

Có người theo sau ông khoảng cách năm mét, cũng trùm kín từ đầu đến chân, nhỏ con hơn nhiều nên tôi tưởng là cô nào đó đi theo như đôi bạn.

Bất ngờ “cô” đó đổi hướng, tiến về tôi vẫn đang ngồi trên xe đã tắt máy. Tôi hơi run. Rút sẵn chai xịt “pepper spray” để tự vệ. Tôi định nổ máy chạy đi nhưng cố xem “cô” đó muốn gì. Tôi kéo kiếng xe xuống vì hình như “cô” muốn nói gì. Hai bên cách nhau năm mét thì tôi nhận ra “cô” chính là anh Tí với con dao nhọn dài một feet trong tay.

– Có phải Tí không? Tôi la lớn – Làm gì cầm dao ghê thế?

– Thằng này nó ở đâu đến rất khả nghi. – Tí đáp lớn – Nó cứ đi lòng vòng này giờ. Anh ra phụ với em một tay đi.

Tôi bước xuống xe, đứng tại chỗ. Tí tiếp tục theo sau gã khổng lồ đó.

– Get out of here! Get out of here!

Tiếng Tí vang lớn trong đêm khuya lạnh giá nghe càng lạnh thêm.

Gã khổng lồ chậm rãi đổi hướng khi Tí vẫn theo sau lập lại mấy câu đó cho đến khi gã khổng lồ khuất bóng.

À, tất cả sự vật đều có ích lợi theo công dụng của nó mà ta không bao giờ hiểu hết.

Alex

Alex không bao giờ nhìn tôi, cũng không bao giờ nói chuyện với tôi, dù Alex đến ngồi trước cửa căn phòng tôi nhiều lần. Tôi niềm nở hỏi anh:

– Good morning. Anh tên gì?

– Alex.

Anh trả lời vẫn không nhìn mặt tôi.

Anh đến tôi không biết. Anh đi tôi không hay. Nhưng anh luôn để lại trên đất mấy tờ truyền đạo đơn mà tôi treo trước cửa văn phòng.

Và tôi khám phá, Alex lấy truyền đạo đơn để lót dít ngồi. Ít nhất ba lần như vậy. Tôi ôn tồn nói lần thứ tư gặp anh:

– Alex có ngồi đây thì đừng lấy truyền đạo đơn này lót dít nha. Công

trình tôi viết rồi in ấn tốn tiền nha anh.
Thank you.

Sáng hôm nay Alex đến hỏi nào tôi không biết, đang ngồi trên chiếc ghế giống y ghế văn phòng tôi đặt gần cửa ra vào.

Để chắc ăn mình không lầm, tôi quay vào văn phòng để so sánh cục cao su lót chân ghế Alex và ghế văn phòng. Giống y chang.

– Good morning Alex. Có phải anh lấy ghế văn phòng tôi không? It's OK nhưng anh nói tôi một tiếng nha.

Tôi vừa dứt lời, Alex bật dậy khỏi ghế, rút dao bấm cầm trong tay với thế cầm dao xả xuống, xông vào tôi.

– Đ. M. muốn kiếm chuyện nữa hả! Alex hét lên.

Tôi lùi lại nhiều bước thủ thế tự vệ.

Alex dừng tay, bỏ đi.

Lúc ấy tôi mới kịp lấy phone quay, thì Alex quay lại và xông vào tôi lần nữa tuy không rút dao.

– Đ. M. mày muốn tao lấy phone mày không. Nó hét to.

Tôi vẫn không nói, chỉ vừa tiếp tục quay vừa lùi thủ thế tự vệ.

Nó bỏ đi lần nữa.

Tôi gọi cảnh sát đến lập biên bản.

– Anh muốn bỏ tù nó không? Cảnh sát viên hỏi.

– Không, lần đầu tôi tha nó.

– Nếu điều tra viên Quận Cam thấy

ng nghiêm trọng thì anh phải ra tòa buộc tội nó đấy.

– O.K. Tôi trả lời.

Thật là một ngày nắng đẹp mà lòng u ám quá!

Hào

Thật khó đoán tuổi chị vì nước da ngăm đen sương gió lẫn những nét đẹp lạ lùng. Chắc chị tuổi 4, cô gái ngồi bệt dưới đất trước cửa văn phòng tôi cất cao giọng:

– Anh cho em xin vài đồng.

– Tôi không cho tiền. Nhưng nếu chị muốn ăn thì tôi mua cho. Đây sẵn có BBQ Liên Hoa, chị muốn ăn gì không? Tôi trả lời.

– Anh mua gì cũng được,

– À, mà chị ngồi xích vô chứ không xe đụng chết.

– Không sao. Em ngồi vậy người ta mới chú ý.

– À, chị tên gì?

Vừa lúc đó người “homeless” khác tên Trung, thỉnh thoảng đến đây, bất ngờ đến. Trung to tiếng:

– Nó tên Hào. Lúc trước nó đẹp lắm, làm đi nổi tiếng ở đây,

Tôi giật mình kêu lên:

– Ấy chết. Anh đừng nói vậy trước mặt người ta.

Hào vẫn ngồi yên như nhận lấy tất cả những chua chát cuộc đời. Tôi vừa

đưa khay gà hấp muối mời Hảo vừa hỏi:

– Hảo qua Mỹ năm nào?

– Em vượt biên theo mẹ năm 1985 đến Mỹ lúc em tám tuổi.

Hảo nói nhỏ, giọng nghèn nghẹn:

– Được vài năm thì mẹ em chết. Chính phủ đưa em cho bà dì nuôi, nhưng em không thích nhà dì nên được vài năm em đi bụi luôn.

Hảo không ăn nhưng gói khay gà với bánh hỏi lại bỏ vào bao.

– Giờ em đi xe bus thăm con em. Đồ ăn này em đem cho nó.

Hảo nói mà không nhìn ai cả.

Con của Hảo ở với ai? Tên gì? Việt hay lai? Tôi không dám hỏi. Tôi quay sang hỏi Trung:

– Chắc Hảo được thăm con mỗi tuần vài tiếng ở Family Center là chỗ dành cho cha mẹ ruột thăm con ở với cha mẹ foster.

Trung thản nhiên nói:

– Nó có nhiều con lắm, em không biết nó thăm đứa nào.

Michael



Hình: tác giả cung cấp.

Có lẽ Michael đặc biệt nhất phố Bolsa vì đàn ông mà lúc nào cũng kẹp nách con búp-bê nhỏ bằng một rưỡi gang tay người lớn.

Michael hỏi nhưng không cần câu trả lời.

– Cho xin ly nước trà nha.

Tôi hỏi:

– Tôi gặp anh mấy lần rồi, lúc nào cũng thấy anh ôm con búp-bê. Anh có gì kỷ niệm à?

– She’s my older sister. I love her. Cho đỡ buồn.

Michael lạnh lẽo nói. Cách nói chuyện tiếng Việt của anh là vậy, không chủ từ, nhanh, gọn, cộc lốc nhưng giọng rất vui

vẻ. Hình như Michael qua đây từ nhỏ vì nói tiếng Việt lơ lơ trộn lẫn tiếng Mỹ.

Một tuần sau tôi mới gặp lại Michael cùng một bà đến văn phòng tôi. Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Mặt Michael sao bị trầy sướt ghê thế?

– My sister té. Phải nhảy vào cứu nên đập mặt xuống đất.

Michael vừa đáp vừa lục tìm gói trà.

– Kể tôi nghe về chị của Michael đi.

Bà lão cướp lời Michael:

– Ôi, nó thương chị nó lắm ông ơi. Hồi ở Việt Nam ba nó chết trận vì bị trúng pháo kích của Việt Cộng. Cảnh mẹ góa con cô, tôi phải đi buôn bán ở Vũng Tàu. Chị nó thay tôi nuôi nó nên

nó thương chị nó lắm ông ơi. Tôi gom hết tiền rồi bán thêm căn nhà nữa để mua vàng cho chị em nó vượt biên. Chị nó bị hải tặc bắt, nó thì tám tuổi lúc đó bị chấn động tâm lý đến giờ luôn. May là nó bảo lãnh tôi qua được rồi lâm bệnh nặng tới giờ. Tôi phải chăm nó mệt quá vì nó cứ bỏ nhà đi làm “homeless”, nói rằng đi tìm chị nó. Có khi nó đi cả tuần.

– Chị đây nè.

Michael vừa nhìn bà nói vừa chìa búp-bê ra.

Hai hàng lệ long lanh trên mắt bà.

Và cũng trên mắt tôi.

* * *

Phố Bolsa là biểu tượng của tự do cho người Việt ly hương tỵ nạn cộng sản khắp năm châu bốn bể.

Nơi đây người Việt hãnh diện về những người cha mẹ đi làm cực khổ nuôi ăn học thành những bác sỹ, kỹ sư, khoa học gia, và những nhân tài cho Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Nhưng cũng lắm cảnh đời bất hạnh vì những cú sốc quá nặng vì tội ác chiến tranh do cộng sản Bắc Việt gây ra, vì cơn hãi hùng vượt biên liều chết tìm tự do, vì nước mất nhà tan, vì gia đình ly tán.

Chính phủ Mỹ đã tốn \$17 tỷ đô-la từ 2018–2023 cho quỹ “homeless” nhưng tình hình tệ hơn. Riêng California tốn hàng tỷ đô-la nhưng vẫn bất lực và vẫn là tiểu bang nhiều dân “homeless” nhất nước.

Phải chăng những cuộc đời vô gia cư này cần nhiều tình người hơn mới giải quyết được.

Dù gì, những cuộc đời bất hạnh “homeless” này cũng được an ủi phần nào nhờ tình đồng hương như lời anh Hường ở đầu bài nói với tôi, “Chào anh, người Việt mình có phố Bolsa cũng đỡ cho người homeless như tụi em lắm.”

Thang Chu

Bolsa những ngày đầu xuân

SÀI GÒN TRĂM NHỚ NGHÌN THƯƠNG



Tôi là con gái Bắc kỳ chính cống, nhưng lại lớn lên ở Sài Gòn, nên Sài Gòn đối với tôi là một ‘quê nhà’ thấm thiết vô cùng. Tôi đến với Sài Gòn, thuở Sài Gòn còn là một thành phố với những hình ảnh mộc mạc thanh khiết.

Gái Sài Gòn đơn giản hiền hòa với áo bà ba trắng, với quần đen ống thật rộng, với đôi guốc mộc nhẹ tênh hình cái thuyền, với mái tóc dài ôm trọn khuôn mặt không chút phấn son.

Hồi mới tới Sài Gòn, gia đình tôi tạm trú tại nhà bà dì ở đường Quai de Belgique, sau này đổi thành Bến Chương Dương. Đứng ở trên lầu, tôi có thể nhìn thấy quang cảnh thuyền bè đi lại tấp nập. Những chiếc thuyền chở đầy những buồng chuối vàng au, những lồng gà, lồng vịt, những chùm dừa xiêm còn nguyên cả cành nằm chen chúc nhau, khoe cái vỏ xanh láng mượt. Tất cả tượng trưng cho sự trù phú của miền Nam.

Nhà dì tôi ở gần chợ Cầu Kho nên ngày đầu tiên chúng tôi đã được một ông

chú họ dẫn đi chợ. Tôi mê nhất là gian hàng trái cây bởi vì có nhiều thứ ngoài Bắc không có. Tôi còn đang trố mắt ngó những trái to tròn như trái banh có hai màu khác nhau, trái xanh mượt như ngọc, trái tím thẫm như màu trái bồ quân thì cô bán hàng đã đon đả nhìn ông chú tôi:

– Mua ‘dú sữa’ đi thầy hai. ‘Dú sữa’ của em đặc biệt ‘giường nhà’ ngọt lắm đó.

Thì ra mấy trái mà tôi đang ngó là mấy trái vú sữa ở vườn nhà cô ta. Hồi đó tôi mới có 12 tuổi, còn ngây ngô chưa biết nói tiểu lâm nên hơi ngạc nhiên khi thấy ông chú tôi nhìn cô ta cười tủm tỉm với đôi mắt tinh nghịch:

– Vú sữa của cô ngon thiệt hả?

Cô ta gật đầu lia lịa:

– Ngon thiệt mà thấy hai.

Chú tôi chọn mua một chục trái, cô ta đưa thêm 4 trái và nói:

– Thường một chục có 12 trái thôi nhưng là của ‘giường nhà’ nên một chục em tính 14 trái lận.

Chú tôi đưa tiền trả, thay vì phải thối lại 50 xu, cô ta cầm tờ 1\$ xé toạc ra làm đôi, đưa chú tôi một nửa. Chúng tôi đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác. Ngày đầu tiên đã học được hai cái đặc biệt của Sài Gòn. Một chục là 12 hoặc 14, nửa tờ giấy 1\$ là 50 xu.

Phải công nhận người miền Nam rộng rãi và đơn giản. Một chục mà cho thêm thành 12 tới 14 và thay vì mất công đi tìm tiền xu thì cứ việc cầm tờ giấy 1\$

xé bét ra làm 2 là xong ngay. Giản dị và tiện lợi biết bao.

Sài Gòn đã thu phục tình cảm của tôi một cách nhanh chóng. Hai mươi mốt năm sau, khi rời bỏ Sài Gòn tôi đã khóc như phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn. Sài Gòn đã trở thành một nơi chốn thân thiết vô cùng. Không yêu Sài Gòn sao được khi Sài Gòn là nơi chứng kiến tất cả kỷ niệm vàng son của thời con gái. Sài Gòn với ngôi trường Trưng Vương yêu dấu, nơi đã cho tôi biết bao nhiêu người thầy đáng kính, bao nhiêu người bạn dễ thương, bao nhiêu tình cảm quý mến chân thành.

Làm sao quên được con đường Nguyễn Bình Khiêm rợp lá me bay, những chiều tan học, tràn ngập những

tà áo trắng quần quít gót chân son. Thảo cầm viên đã được nghe không biết bao nhiêu lời thì thầm tâm sự của các nàng Trưng Vương, những giờ nghỉ học, vừa chuyện trò, vừa lang thang hái trộm những cánh hoa mầu tím, ép vào những trang sách học trò.

Con đường Thống Nhất rộng thênh thang đưa tới rạp Norodom từng bừng rộn rã của những ngày Đại hội Văn nghệ học sinh. Tôi như vẫn còn mừng tượng thấy khung cảnh rộn ràng trong hậu trường sân khấu. Tuy bận rộn sửa soạn cho những màn trình diễn, nhưng các chàng Chu Văn An vẫn không bao giờ quên gửi đến các nàng Trưng Vương những ánh nhìn say đắm. Chỉ một cái nhìn thật nhanh, thật nhẹ mà sao cũng đủ làm cho ai kia má phải ửng hồng.

Vòng ra bờ sông là bến tàu lộng gió của những sáng đón đưa, những chiều hò hẹn. Con đường Lê Lợi với những chiều thứ bảy đẹp trời cùng bạn bè dạo phố. Mỗi lần đi qua tiệm Kim Sơn ở góc đường, chúng tôi luôn luôn phải vờ chăm chú ngó mấy món hàng linh tinh bày bán lề đường, để tránh những cặp mắt nhìn hau háu của mấy 'ông nội' ngồi 'pec mơ năng' ở ngoài hiên giống như mấy 'Side-walk café'. Tiệm sách Khai Trí là nơi hấp dẫn nhất. Luôn luôn làm chúng tôi mê mẩn trước những cuốn tiểu thuyết còn thơm mùi mực mới.

Màn cuối cùng của buổi dạo phố thường thường là góp tiền lại, rủ nhau vào một tiệm kem. Vừa nhấm nháp những thìa kem dâu, kem dừa mát rượi, vừa nghe những bản nhạc ngoại quốc nổi tiếng thịnh hành mà chúng tôi thay

phiên nhau yêu cầu nhà hàng để đĩa hát, như A Certain Smile, You're My Destiny, I Went to Your Wedding, Diana v.v...

Hôm nào có phim hay cả bọn lại rủ nhau chui vào một trong hai rạp ciné permanent Lê Lợi hay Vĩnh Lợi. Mỗi lần vào đây là chúng tôi phải đề cao cảnh giác. Vì luôn luôn có một số các chàng thanh niên hay lợi dụng sự đông đúc chen lấn để dở trò ba mươi lăm. Một hôm có một chàng đứng sát sau lưng định dở trò, tôi bèn làm như vô tình quay ngang người lại hích cho chàng một cái cùi chỏ nên thân. Tan ciné, tôi kể chuyện cho lũ bạn nghe, chúng cười hi hí có vẻ khoái chí lắm. Từ đó các bạn tôi học được màn "hích cùi chỏ" để trừng trị các chàng gian manh.

Sau khi xem ciné, nếu còn đủ tiền rủng rỉnh trong túi, chúng tôi rủ nhau vào hẻm Casino làm một châu bánh tôm, bún chả. Nếu chỉ còn ít tiền, thì ra góc Viễn Đông. Đứng ở lề đường ăn phá lẩu với thịt bò khô. Ăn xong, ớt còn cay xè trong miệng mà vẫn đủ tiền uống một ly nước mía cốt vắt thêm miếng chanh nhỏ xíu, hoặc sang hơn, vắt nguyên nửa quả quít thì còn gì sướng hơn nữa.

Có hôm thay vì ăn ở góc Viễn Đông, chúng tôi lại đi ngược chiều ra góc chợ Bến Thành. Nơi có hàng bò viên nóng hổi, thơm phức mùi tiêu với hành ngò. Sau đó, tráng miệng bằng một ly đậu đỏ bánh lọt. Hoặc rủ nhau vào quán Bà Ba Búng ở đường Thủ Khoa Huân, sau chợ Bến Thành, ăn bún riêu, bánh cuốn. Sài Gòn có không biết bao nhiêu món ngon, hấp dẫn những cái miệng thích ăn quà

vật của các nàng Trưng Vương thuở đó.



Hồng Thủy do HNL vẽ năm 1962

Khi Mùa Giáng Sinh tới, Sài Gòn từng bừng như mở hội. Người ta không phải bận tâm lo mua quà tặng nhau như ở xứ Mỹ. Đêm Noel, có đạo hay không, mọi người cũng thích rủ nhau đi dạo trên đường Tự Do. Trai thanh, gái lịch, quần áo lượt là, chen vai, thích cánh, suốt dọc

hè phố từ nhà Quốc Hội đến nhà thờ Đức Bà.

Người trẻ đi để ngắm nhau. Người lớn tuổi đi tìm không khí Noel, cái không khí mà suốt bao nhiêu năm sống trên đất Mỹ tôi không làm sao tìm lại được. Hầu như tất cả dân ‘chịu ăn chịu chơi’ của Sài Gòn đều có mặt trên đường Tự Do.

Đi dạo mỗi chân, mọi người lại rủ nhau vào ngồi trong Givral, La Pagode, Continental, hay ngồi ở công viên rộng lớn trước nhà Quốc Hội hoặc trước tòa Đô chánh để chờ nghe tiếng chuông đổ hồi rền rã của nhà thờ Đức Bà báo hiệu lễ nửa đêm, mừng Chúa ra đời.

Sau lễ, mọi người về nhà ăn Réveil- lon. Nồi cháo gà nóng hổi, khói lên nghi

ngút, là món không thể thiếu trong bữa tiệc mừng Giáng Sinh đặc biệt này. Noel của Sài Gòn thật vui, thật đầm ấm, thật nhẹ nhàng, thoải mái. Không có quá nhiều lo nghĩ về vấn đề tài chánh phải chi tiêu cho quà cáp.

Không khí Noel ở đất Mỹ mang tính cách thương mại nhiều hơn là không khí thiêng liêng đặc biệt của ngày lễ mừng Chúa Giáng Sinh. Trước Noel cả mấy tháng người ta đã trưng bày cây Noel để bán. Bắt mọi người phải nhìn ngắm mãi đâm nhàm chán. Gần sát ngày lễ Noel ai cũng tất bật lo chuyện mua quà, gói ghém cho kịp giờ mở quà đêm mừng Chúa ra đời. Tất cả chỉ có vậy. Đêm Noel người ta chỉ thấy quá mệt mỏi. Rộn ràng được một chút lúc mở quà. Sau đó là hết. Trống vắng buồn tênh.

Thời tiết lạnh lẽo, nhà thờ Việt Nam

thì ở quá xa, hơn nữa kiếm được chỗ đậu xe không phải là dễ. Mùa đông buốt giá, chưa kể nếu có tuyết, đường trơn trượt nguy hiểm. Do đó ít ai nghĩ đến chuyện đi lễ nửa đêm. Bởi vậy cứ mỗi lần mùa Giáng Sinh tới là tôi lại nhớ Sài Gòn da diết. Nhớ thánh lễ nửa đêm thật tưng bừng ở nhà thờ Đức Bà. Nhớ con đường Tự Do tràn ngập người đi của những đêm Noel đầm ấm năm xưa.

Tết đến còn vui hơn nữa. Xung quanh chợ Bến Thành những gian hàng bán bánh mứt được dựng lên san sát với nhau. Tiếng rao hàng của những loa phóng thanh vang lên rộn rã. Người đi mua sắm tấp nập. Ai cũng "tay xách nách mang". Ngày Tết, không nhà nào là không có đủ thứ mứt, hạt dưa, bánh chưng, dò chả.

Nhắc đến Tết ở Sài Gòn là ai cũng phải nhớ ngay đến chợ hoa ở đường Nguyễn Huệ với những cành đào, cành mai tươi thắm. Những chậu cúc, chậu thược dược đủ màu đua nhau khoe sắc. Những chậu quất trĩu quả vàng tươi. Những bát thủy tiên toả hương thơm thật dịu dàng, thanh khiết. Nhưng có một thứ hoa đẹp nhất làm chợ rục rở hẳn lên đó là "hoa biết nói." Các nàng thiếu nữ yếu điệu trong những tà áo dài đủ màu, tha thướt đi dạo trong chợ hoa là hình ảnh đẹp nhất của ngày Tết ở Sài Gòn.

Tôi còn nhớ thời con gái, cứ 23, 24 Tết là chúng tôi đã nôn nao sửa soạn quần áo để rủ nhau đi chợ hoa. Dạo chợ hoa là một náo nức không thể thiếu của các nàng thiếu nữ mỗi lần Tết đến. Cũng như đi chợ hoa để ngắm người đẹp là

một điều bắt buộc, không thể nào quên của các chàng trai.

Chợ hoa ở đây (vùng Hoa Thịnh Đốn) sao tẻ nhạt quá. Có lẽ vì hoa không đủ thắm, lại chỉ có lúa thừa, bày bán rải rác nên không hấp dẫn được người đi. Vả lại các chàng nếu có muốn đi chợ hoa để ngắm người đẹp, thì cũng chỉ tìm thấy những áo 'cốt' dây côm côm, to xù xù di động. Chứ làm sao có thể tìm lại được những bóng dáng yêu kiều trong tà áo dài lả lướt của chợ hoa Nguyễn Huệ năm xưa.

Thời tiết lạnh lẽo quá, ít ai ở đây còn nghĩ đến chuyện mặc áo dài đi chợ Tết, nên hình ảnh chiếc áo dài trở nên hiếm quý vô cùng. Thật tội nghiệp cho những người Việt Nam xa xứ nơi tôi ở. Phải cố

gắng tưởng tượng mùa xuân trong cái giá buốt của mùa đông. Hoa tuyết rơi mà phải tưởng tượng là hoa đào nở, gió đông lạnh lẽo mà cứ cố nhắm mắt lại để mơ tưởng đến ánh xuân nồng. Tết năm nào tôi cũng cố gắng tìm cho được một cành hoa vàng forsythia để trang hoàng nhà cửa. Để tự đánh lừa mình là nhà ta cũng có mai vàng.

Tết nhất đến nơi mà sao giọng Don Hồ cứ buồn não nuột, anh chàng đang hát một bài mà tôi rất thích của nhạc sĩ Đức Huy:

“Tôi hay nhớ về quê nhà vào buổi chiều. Nhất là những buổi chiều hay mưa. Cũng may Cali trời mưa ít không

như Sài Gòn. Nếu không, tôi đã khóc một dòng sông...”

Ngoài cửa sổ, chiều nay trời thật đẹp. Những giải nắng vàng còn vương vấn trên mấy ngọn cây cao. Mấy hôm nay trời tạnh ráo, không có lấy một giọt mưa nhỏ. Vậy mà không hiểu sao bỗng nhiên lòng tôi chùng hẫ xuống và ... hình như hồn tôi đang “Khóc một dòng sông..”

Hồng Thủy

**Xóm Cầu Mới, một hoài bão lớn
của Nhất Linh**

Nguyễn Tường Thiết

Cha tôi, nhà văn Nhất Linh, cho ra đời hơn mười tác phẩm. Mẹ tôi sinh đẻ hơn mười người con. Bà thường nói đùa với chúng tôi:

– Cứ mỗi lần Mẹ có mang thì Cậu lại thai nghén một quyển truyện.

Những đứa con của mẹ tôi khi chào

đời thường song hành với một tác phẩm mới của cha tôi được xuất bản. Chẳng hạn như anh Thạch tôi sinh năm 1935 ứng với năm tác phẩm Đoạn Tuyệt ra đời. Nhưng khi cha tôi bắt đầu thai nghén và khởi viết Xóm Cầu Mới vào năm 1940, trong khi mẹ tôi cuối năm đó sinh đẻ ra tôi, thì tác phẩm này vẫn chưa chịu ra đời. Lần này khi khởi viết Xóm Cầu Mới Nhất Linh mang hoài bão quá lớn, “cái thai” quá to, nên tác phẩm không chịu xuất hiện trên đời cho mãi đến ba mươi ba năm sau. Kỳ diệu thay chính tôi lại là người “đỡ đẻ” cho tác phẩm ra đời khi tôi cho xuất bản cuốn Xóm Cầu Mới lần đầu tiên vào năm 1973.



Hoài bão của Nhất Linh khi khởi viết Xóm Cầu Mới vào năm 1940 là mong

muốn thực hiện một bộ trường giang tiểu thuyết đồ sộ dài gần mười ngàn trang mà theo ông mới đủ để diễn tả cuộc đời muôn vẻ, muôn mặt. Trải dài suốt 17 năm sau đó, với cả thấy 5 lần viết đi viết lại, ông đã khai bút viết lại lần cuối, bên dòng suối Đa Mê vào ngày 23 tháng 10 năm 1957.

Qua ống kính của nhiếp ảnh gia Lê Văn Kiểm, một người bạn thân của ông, hậu thế chúng ta ngày nay được nhìn ngắm bức ảnh Nhất Linh, trong tư thế nửa nằm nửa ngồi trên một chiếc võng, vầng trán cao, cặp kính gọng đen, chiếc pipe trễ trên miệng, cúi xuống viết trên một tập sách dày, phía trên võng là cánh rừng thâm u của làng Fim Nôm, dưới chân võng là dòng suối róc rách chảy. Bên dưới tấm ảnh đó Nhất Linh viết những hàng chữ sau: “Kỷ niệm ngày khai

bút Xóm Cầu Mới bên dòng suối Đa Mê, ngày 23-10-57”.

Hoài bão thực hiện cuốn trường giang tiểu thuyết đó, giống như chính cuộc đời ông, bỗng dừng đứt đoạn khi ông đột ngột qua đời sáu năm sau ở tuổi 57. Cho tới khi nhắm mắt Nhất Linh hoàn toàn không ngờ Xóm Cầu Mới, tác phẩm mang hoài bão lớn nhất của mình, sẽ góp mặt trên thế gian. Trái lại ông ra đi trong niềm tin rằng tác phẩm của mình sẽ tan biến theo mây khói, tan biến cùng với những giấc mộng lớn không thành trong đời ông.

Tôi không biết đích xác ngày nào trong những ngày cuối cùng của đời ông Nhất Linh đến nhà in Trường Sơn số 14 đường Nguyễn An Ninh Sài Gòn mang theo tập bản thảo 4 quyển Xóm Cầu Mới của mình và gặp nhà văn Nguyễn

Thị Vinh. Lúc ấy ông Trương Bảo Sơn, chồng bà Vinh, đang ở trong tù Côn đảo vì dính liú vào vụ đảo chính 11-11-1960.

Theo lời bà Vinh thuật lại với tôi sau khi thân phụ tôi qua đời thì Nhất Linh tìm gặp bà Vinh mục đích là để nói lời giã biệt vì sau đó mấy ngày ông phải ra tòa xử ông trong vụ án liên quan đến cuộc đảo chính ba năm trước và sau phiên tòa có thể ông phải đi tù không biết ngày nào trở về (thực ra khi gặp bà Vinh Nhất Linh đã có sẵn ý định tự vẫn vào ngày 7-7-1963).

Trước khi ra về Nhất Linh đưa bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới cho bà Vinh và nhờ bà Vinh đốt bản thảo này đi với lý do đây là một tác phẩm dang dở chưa hoàn tất.

Trong 10 năm trời tôi đinh ninh bà Vinh đã đốt bản thảo như lời thú nhận của chính bà nên tôi bỏ ý định đi tìm bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới để xuất bản. Tưởng cũng nên nói thêm là năm ngày trước khi chết, ngày 2 tháng 7 năm 1963, Nhất Linh đến nhà in Trường Sơn cho đánh máy tờ giấy Ủy Quyền để giao cho tôi điều khiển hai nhà xuất bản Phượng Giang và Đời Nay và quyết định xuất bản các tác phẩm của ông, trong trường hợp ông vắng mặt bất cứ vì lý do gì (Nhất Linh nhấn mạnh điểm này trong giấy Ủy Quyền).

Ngay sau khi thân phụ tôi mất, chính bà Vinh là người đã giao giấy Ủy quyền cho tôi. Lúc ấy tôi hỏi bà về tập bản thảo Xóm Cầu Mới. Bà Vinh nói thân phụ tôi có trao cho bà nhưng bà đã đốt rồi theo ý muốn của ông.

Mười năm sau, năm 1973, một bữa bà Vinh tìm gặp tôi. Bà hốt hoảng nói với tôi là bà còn giữ chứ không đốt 4 quyển bản thảo Xóm Cầu Mới, bây giờ bà muốn giao bản thảo lại cho tôi để xuất bản thì tập bản thảo đã bị ai đánh cắp mất rồi! Chúng tôi bèn lập kế hoạch điều tra và đi tìm xem ai là người đang giữ tập bản thảo này. Tôi chở bà trên chiếc xe Lambretta của tôi đi khắp thành phố đến từng nhà của những người mà bà Vinh nghi là có thể lấy tập bản thảo.

Sau cùng chúng tôi đến một căn nhà hai tầng bên Gia Định, gần làng Tả quân Lê Văn Duyệt, tôi đậu xe bên kia đường và đợi bà Vinh. Khoảng 15 phút sau bà Vinh từ trong nhà đi ra tay cầm bốn quyển bản thảo Xóm Cầu Mới. Bà nói bà tìm thấy tập bản thảo này đặt trang trọng trên bàn thờ của chủ nhà, bên cạnh bức

ảnh chân dung thân phụ tôi và nói người này lấy trộm bản thảo chỉ vì ông ta quá ngưỡng mộ nhà văn Nhất Linh.

Quyển bản thảo 4 tập này Nhất Linh viết lần thứ ba năm 1949 tại Hương Cảng là tập bản thảo đầy nhất đã được Nhất Linh xem là bản thảo gốc dùng cho những lần viết lại sau này. Có tập bản thảo trong tay, tôi xuất bản cuốn sách này lần đầu tiên năm 1973 ở Sài Gòn dưới tên nhà xuất bản Phượng Giang. Trong cuốn sách này tôi viết Lời Nhà Xuất Bản có đoạn như sau: “Tập bản thảo mà chúng tôi dùng để in quyển truyện này đã bị thất lạc từ mười năm nay mới được tìm thấy. Sự tình cờ là ngày tìm được bản thảo lại nhằm vào ngày giỗ thứ 10 của cố văn hào Nhất Linh – ngày 18 tháng 5 Âm lịch – nên chúng tôi quyết định chọn ngày này cho khởi công việc chép

và soạn lại toàn bộ tác phẩm Xóm Cầu Mới để đem in đánh dấu ngày hoạt động lại của nhà xuất bản Phượng Giang do Nhất Linh chủ trương từ năm 1952”.

Chi tiết về câu chuyện “thất lạc” bản thảo Xóm Cầu Mới tôi giữ kín không bao giờ viết ra, chỉ trừ tâm sự với một vài người thân, trong số có nhà phê bình và nghiên cứu văn học Thụy Khuê. Năm 2006 khi tôi xuất bản tập hồi ký Nhất Linh Cha Tôi ở California, Hoa Kỳ, tôi nhờ chị Thụy Khuê viết lời Bạt cho cuốn sách. Tôi xin trích một đoạn văn của chị trong lời Bạt: “Bây giờ ngồi trước máy tính chép lại những “lời nhà xuất bản” (Phượng Giang) tôi dần dần nhớ lại những chi tiết khác, trong các câu chuyện mà anh nói với tôi đêm Giao thừa (năm Bính Tuất) và đêm trước, về việc tìm lại bản thảo (Xóm Cầu Mới), cũng gay cấn

như truyện trinh thám, mà trong này anh chỉ viết gọn thất lạc từ mười năm nay mới tìm thấy. Biết mình may mắn, nhưng tôi lại tham lam, muốn có nhiều người may mắn như mình, cho nên tôi mong một ngày nào đó, anh sẽ kể lại cho độc giả, “những bí mật” về việc thất lạc ấy, tôi tin như thế, bởi nó thuộc về dĩ vãng văn chương của một văn hào”.

Vâng, thưa chị Thụy Khuê, một ngày nào đó mà chị mong muốn chính là ngày hôm nay của tôi. Chị nói đúng, câu chuyện “thất lạc” trước sau cũng cần phải được kể ra, bởi vì, như chị nói, nó thuộc dĩ vãng văn chương của một văn hào.

* * *

Gần ba mươi năm sau lần xuất bản đầu tiên cuốn Xóm Cầu Mới ở Việt Nam tôi quyết định tái bản cuốn sách này ở Hoa Kỳ năm 2002. Trong gần 30 năm đó đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Như chiếc cầu gẫy của Xóm Cầu Mới, số phận miền Nam sụp đổ mang theo đời “bèo giạt” của không biết bao nhiêu phận người. Bản thảo Xóm Cầu Mới cũng theo tôi trôi đi trong đời bèo giạt ấy.

Trưa ngày 29 tháng 4 năm 1975 trong lúc hốt hoảng tìm đường di tản tôi có đúng 15 phút để trở về lần sau cùng căn phố lầu chợ An Đông, nơi thân phụ tôi đã sống những ngày tháng cuối cùng, tính quơ hết những gì có thể mang theo được, nhưng tôi chỉ kịp gói hai tập bản thảo Xóm Cầu Mới và Giòng Sông Thanh Thủy vào trong bao nylon đem đi. Tay ôm tập bản thảo theo đoàn người tan

tác ra đi theo dòng nước sông Sài gòn, hình ảnh khúc sông ấy vào buổi sáng ngày 30 tháng Tư với cả trăm tàu bè lũ lượt rời bến trông khác nào hình ảnh “... cầu gẫy và xóm nhỏ và các gia đình cũng tan tác theo với chiếc cầu gỗ. Những đời “bèo giạt” vương bám vào chân cầu rồi lại ra đi theo giòng nước, không biết về đâu?” (trích trong lời mở đầu Xóm Cầu Mới). Đến đảo Guam, ngồi trong lều ty nạn của trại Orote Point, tôi mở gói nylon soát lại tập bản thảo Xóm Cầu Mới và tôi gần muốn khóc vì sau gần tháng trôi trên biển hơi nước mặn đã làm phai đi nhiều nét mực.

Sau gần 30 năm tôi mới có dịp nhìn lại những nét mực phai trên bản thảo ấy khi tôi ngồi trước bàn vi tính để sửa soạn đánh máy cho lần tái bản tác phẩm này vào năm 2002.

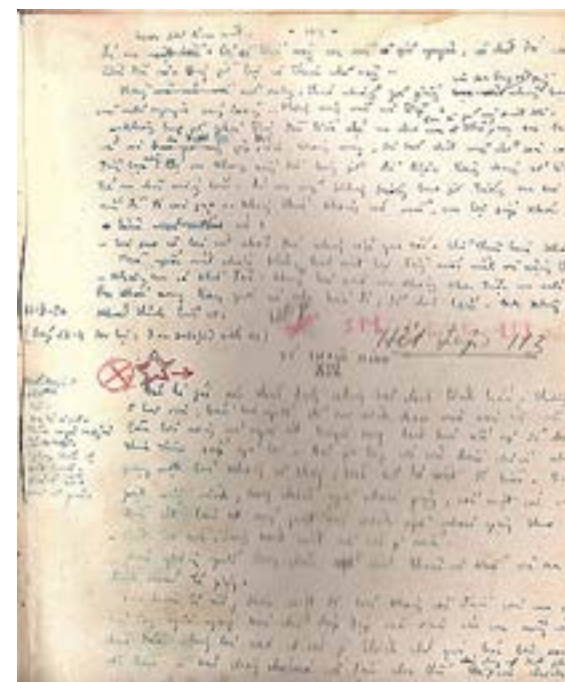
Để cho cuốn sách này được trung thực với nguyên tác, không phạm nhưng lầm lỗi về ấn loát như trong lần xuất bản trước, tôi không tái bản bằng cách cho sao chụp từ ấn bản cũ mà là khởi công đánh máy lại từ đầu dựa hoàn toàn vào nguyên tác bản thảo.

Đánh máy non sáu trăm trang với khả năng đánh “mổ cò” của tôi, việc này vừa chậm vừa tốn công. Nhưng tôi thấy việc tự tay đánh máy lấy là cần thiết, và lại cũng vui thích nữa.

Thứ nhất là rất khó tìm được một chuyên viên đánh máy nào có thể vừa đọc vừa đoán những hàng chữ nhỏ li ti trong bản thảo mà không sai ý tác giả. Tôi nói nhiều chữ phải đoán ý vì bản thảo được viết cách đây đã trên một nửa thế kỷ, nhiều nét mực đã mờ đi theo với thời gian.

Thứ hai là trong suốt mấy tháng cặm cùi trước bàn máy vi tính, cận kề với những trang chữ bản thảo, gõ cộc cạch từng chữ từng chữ, tôi thực sự đã sống với ông nhiều nhất kể từ ngày ông ra đi cách đây đã non bốn mươi năm. Nhìn những hàng chữ viết tay của ông, những hàng chữ gãy vụn, nhỏ nhí, vùi dập, những ký chú bên lề riêng tây, thân mật, tôi thấy rõ là khi đọc từ bản thảo tôi gần gũi tiếp cận với tác giả nhiều hơn là đọc qua ấn phẩm. Vừa đọc vừa đánh máy vừa thưởng ngoạn tác phẩm này, khi thì tôi tách ra bình tâm đọc văn ông như một độc giả, khi thì tôi nhập vào bồi hồi nhớ tới hình dáng một người cha thân yêu và tưởng tượng ông ra sao khi ông viết tác phẩm này, ông vui ông buồn nổi trôi theo những nhân vật và tôi vui tôi buồn theo ông qua những hàng chữ.

Tôi hình dung một Nhất Linh vui. Hay ít ra cũng nhiều vui hơn buồn khi ông viết cái cái tác phẩm mà đã có lần ông định đặt tên là Vui Buồn này. Các nhân vật cứ đua nhau mà mỉm cười (tôi tần mẩn đếm được cả thấy 306 chữ mỉm cười trong toàn tác phẩm). Và tác giả cũng mỉm cười nhiều lần không kém. Hẳn thế. Còn tôi tôi cũng mỉm cười nhiều lần khi đọc bản thảo. Tôi cười thích thú khi khám phá Nhất Linh đã không che dấu sự hài lòng của mình đối với tác phẩm này khi ông ghi bên lề trang bản thảo một câu tiếng Anh: “Sáng 23-4 đọc lại: I am satisfied with me!”.



Rồi tôi cũng mỉm cười liên tưởng tới một sự kiện trớ trêu: 52 năm trước ông ngồi viết những hàng chữ bản thảo này ở Hồng Kông (Trung Hoa). 52 năm sau tôi đọc những hàng chữ đó ở Seattle (Hoa Kỳ). Đều là hoàn cảnh lưu lạc cả. Nhưng tâm trí của cả người viết lẫn người đọc đều quy về một cái huyện nhỏ ở quê nhà

nằm bên con đường sắt Hà Nội – Hải Phòng thuộc tỉnh Hải Dương. Huyện Cẩm Giàng. Nơi ông đã tiểu thuyết hoá thành Xóm Cầu Mới. Nơi tôi đã sống những ngày ấu thơ.

Tháng 5 năm 2001 nhân chuyển về nước để mang di cốt song thân chúng tôi về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An chúng tôi có dịp đi thăm lại huyện Cẩm Giàng. Tôi có mang theo sơ đồ Xóm Cầu Mới do Nhất Linh phác họa trong bản thảo ra đối chiếu thì thấy chỉ có con đường sắt, nhà ga, một dãy phố Phủ là giống huyện Cẩm Giàng hiện tại, phần còn lại của sơ đồ có thể là hư cấu.



Trong ký ức xa thẳm nhất của tôi về trại Cẩm Giàng có in hình ảnh cái hàng hiên rộng và dài chạy suốt chung quanh trại với rừng hoa ti-gôn rủ xuống và tiếng còi xe lửa rúc lên trong đêm khuya. Hai đoạn văn tả anh chàng Siêu thích sống ở căn nhà có hàng hiên và tiếng còi tàu ở Lăng Cự Quận khiến tôi như sống lại những ngày rất xưa cũ.

Trang đầu tập bản thảo Xóm Cầu Mới dành cho lời đề tặng mẹ tôi: “Tặng Nguyên, người rất thân yêu đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mới này khởi đầu từ năm 1940 mới được viết tiếp theo. Hương Cảng trên Núi ngày 16 tháng 10 năm 1940. 1g 30 trưa”.



Hương Cảng nhưng tại sao lại trên Núi? Ở lưng bìa của tập bản thảo thứ ba Nhất Linh vẽ khung cảnh nơi ông viết những hàng chữ này: một túp lều trong hang đá ở trên núi mà nhà văn Nguyễn Thị Vinh đã mô tả như sau: “túp lều của chúng tôi nằm trên một trong những ngọn núi đá thấp, vách ghép bằng các mảnh ván thùng, mái lợp cao su dầy màu đen... tiếng suối reo ào ạt suốt ngày đêm hoà với tiếng u.. u... của gió núi khi thổi qua những hốc đá đã trở thành bản nhạc núi tuyệt vời”.

Trang thứ hai của tập bản thảo phía trên là câu thơ của Huy Cận:

Bèo giạt về đâu hàng nối hàng...

Phía dưới Nhất Linh kẻ một cái khung, trong khung đó ông viết:

XÓM CẦU MỚI

(Bèo giạt)

“một cuốn Đông Chu Liệt Quốc của những đời sống tấm thường, vui lẫn buồn, những vui buồn nhỏ nhặt hàng ngày của những nhân vật, những gia đình sinh hoạt ở trong một cái xóm nhỏ ở đầu một chiếc cầu gỗ từ lúc cầu bắt đầu mọc cho đến khi cầu gãy và xóm nhỏ và các gia đình cũng tan tác theo với chiếc cầu gỗ. Những đời “bèo giạt” đến tụ hội ở xóm nhỏ cũng như những bèo giạt đến, trong ít lâu, vương bám vào chân cầu, rồi lại trôi đi theo giòng nước, không biết về đâu?”.

Quyển Xóm Cầu Mới chia làm hai phần. Phần thứ nhất (BÌNH THẢN),

phần thứ hai (CẦU GÃY), tổng cộng 25 chương, mỗi chương có một nhan đề riêng. Chương I Một buổi sáng, chương II Nhà Bác Lê, chương III Bé và Đồi, chương IV Mua rượu của ông Năm Bụng...

Trong bảo thảo Nhất Linh không viết gì về hoài bão của mình khi sáng tác Xóm Cầu Mới. Ông chỉ bày tỏ hoài bão đó khi ông giới thiệu tác phẩm này trong giai phẩm Văn Hoá Ngày Nay số ra mắt ngày 17-6-1958:

“Xóm Cầu Mới là một bộ trường giang tiểu thuyết gồm một loạt truyện dài đặt dưới tên chung Xóm Cầu Mới. Mỗi chuyện dài lại có tên riêng. Những truyện dài có liên can hoặc gần hoặc xa đến cái Xóm Cầu Mới và các nhân vật chính hay phụ phần nhiều lấy ở số người tới cư ngụ trong xóm. Tuy có cái tên chung và tuy

các nhân vật có thể có mặt ở trong hết cả hay một số lớn các truyện nhưng độc giả có thể đọc một truyện mà không cần phải đọc truyện khác cũng không bị thắc mắc hay ngỡ ngàng về sự diễn tiến của truyện mình đang đọc.

Các truyện thì có truyện dày tới nghìn trang, có truyện độ hai ba trăm trang, không nhất định. Hiện giờ mới thảo mấy cuốn sau đây: CÔ MÙI, NGƯỜI CHIẾN SĨ, NHÀ MẸ LÊ, NGƯỜI SÁT NHÂN, CẬU ẤM, ÔNG NĂM BỤNG.

Số truyện có thể còn tăng thêm nữa hoặc nhiều hoặc ít, tùy khả năng làm việc của tôi và tùy sự tìm kiếm được đề tài. Riêng tôi, tôi mong viết độ hai chục cuốn nữa thành một bộ độ gần vạn trang mới đủ để tả đầy đủ sự phức tạp và muôn mặt của cuộc đời”.

Đây là cao vọng của Nhất Linh khi viết cuốn Đông Chu Liệt Quốc của những đời sống tầm thường này. Hãy tưởng tượng bề dày của bộ Đông Chu Liệt Quốc. Tuy bộ sách này có trên 10 quyển khá đồ sộ nhưng chưa đủ để sánh với bộ sách dài “gần vạn trang” của Nhất Linh.

Thực tế ông chưa viết được một phần mười của “gần vạn trang” như ông mong muốn. Cuốn Xóm Cầu Mới do Phượng Giang xuất bản lần đầu năm 1973 ở Việt Nam và Văn Mới tái bản lần thứ nhất ở Hoa Kỳ năm 2002 cũng chỉ dày khoảng hơn 600 trang. Tuy đây là một truyện dài nhất trong số những truyện dài của Nhất Linh nhưng chưa đủ để có thể gọi nó là một trường thiên tiểu thuyết.

Tuy thế tôi vẫn cho rằng Xóm Cầu Mới là tác phẩm vĩ đại nhất của Nhất Linh.

Tôi cũng cho rằng – có thể tôi chủ quan – Xóm Cầu Mới là tác phẩm hay nhất của Nhất Linh, trên cả Bướm Trắng, trên cả Đôi Bạn, hai tác phẩm vẫn thường được đánh giá cao nhất trong sự nghiệp trước tác của ông. Ngoài ra tôi cũng tin rằng thân phụ tôi tâm đắc nhất tác phẩm này.

Trong cuốn sách “Viết và đọc tiểu thuyết” (ấn bản Đời Nay 1961 trang 87) Nhất Linh viết: “Tuyệt đích, đối với tôi là viết giản dị mà không nhạt nhẽo, rất bình thường mà vẫn sâu sắc, giọng hơi điểm một chút khôi hài rất nhẹ, kín đáo”. Khi ông viết những hàng chữ này bày tỏ quan niệm của ông về một cuốn sách hay tuyệt đích tôi ngờ là ông đang nghĩ

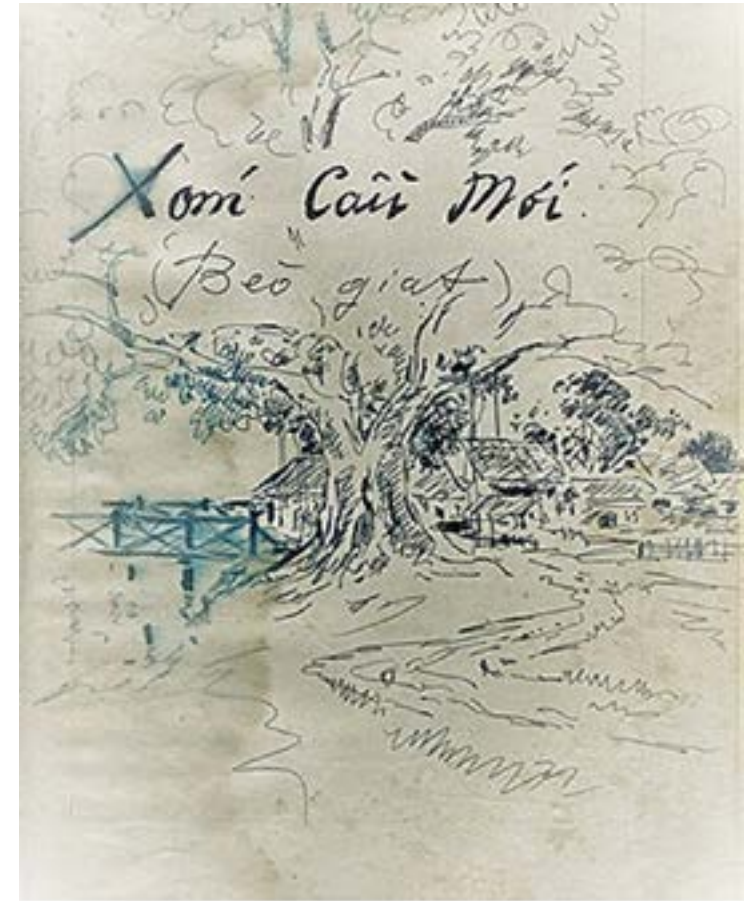
tới tác phẩm mà ông đang thai nghén. Lý do: cả ba yếu tố ông nêu lên “giản dị mà không nhạt nhẽo”, “bình thường mà vẫn sâu sắc”, “điểm chút khôi hài rất nhẹ, kín đáo” đều có mặt xuyên suốt tác phẩm Xóm Cầu Mới.

Hai yếu tố đầu có mặt trong phần lớn tác phẩm của Nhất Linh nhưng chính yếu tố thứ ba “điểm chút khôi hài” mới làm nên dấu ấn đặc biệt của tác phẩm Xóm Cầu Mới.

Về điểm khôi hài này, vẫn trong cuốn sách “Viết và đọc tiểu thuyết”, ngay sau khi nêu những yếu tố tạo thành một tác phẩm hay tuyệt đích Nhất Linh viết thêm: “Tôi chưa thấy một nhà văn nào gồm được cả mấy điều đó. Tolstoi đã gần tới tuyệt đích song còn thiếu chút duyên của một nụ cười quyến rũ. Phải chăng khi viết Xóm Cầu Mới với những “nụ

cười quynh rũ” bằng bạc khắp tác phẩm ông muốn đạt được điều mà ông cho là thiếu xót trong các tác phẩm của Tolstoi, một văn hào mà ông vẫn xem như bậc thầy.

Mở đầu, ngay cái nhan sách Xóm Cầu Mới cũng được ông giấu cột một cách kín đáo: “Cả xóm không có một căn nhà gạch hay nhà gỗ nào. Toàn là những nhà tranh lụp xụp, xiêu vẹo; trông cũng cũ kỹ như chiếc cầu gỗ chỉ có cái tên là mới”.



Nhất Linh khai mạc Xóm Cầu Mới bằng những nụ cười nghịch ngợm của người dân xóm: “Vào quãng hai mươi

phút sau từ nhà nọ truyền sang nhà kia những tiếng reo mừng “Nó kia rồi!” “Đó nó về đó rồi!”. Ô-tô trở về – bởi vì nếu không trở về thì chỉ còn mỗi một lối là đâm đầu xuống sông – ô-tô trở về chạy có vẻ hục hặc tức giận, nhảy chồm chồm trên con đường gồ ghề và cổ tung thật nhiều bụi vào mũi những người dân xóm như để phạt họ và sở Lục Lộ. Dân xóm người thì lật vạt áo che mặt, người thì nhắm mắt bịt mũi, ngậm miệng nín thở; nhưng khi xe đi khỏi và bụi mù đã quang, họ nhìn nhau mỉm cười, trong mắt đầy vẻ vui tinh nghịch thấy những người trên xe đã bị lừa và bị tức”.

Họ nhìn nhau mỉm cười. Họ là ai? Họ là cả dân xóm. Họ là mấy chục nhân vật chính, phụ, họ vui buồn trong đời tầm thường ở một xóm nghèo với hoàn cảnh khốn khó nhưng hình như lúc nào

cũng nhiều vui hơn buồn, nhiều nụ cười hơn tiếng khóc. Các nhân vật cứ đua nhau mỉm cười. Cả tác phẩm trên 600 trang có trên 300 chữ “mỉm cười”. Riêng một chương XXII mặc dù cái nhan đề bi đát “Cho đến lúc hai tay buông xuôi”, chữ mỉm cười xuất hiện trên máy tính 14 lần; một đoạn ngắn sau đây mà có đến 3 lần chữ ấy xuất hiện: “Chàng không ngờ được lau chân Mùi lại là một cái thú rạo rức đến như thế. Mùi lau xong cho hai chân lên giường, với cái quạt phe phẩy. Một lúc sau nàng đưa mắt nhìn Siêu. Siêu cũng nhìn lại Mùi. Hai người yên lặng nhìn nhau một lúc rồi Mùi mỉm cười nhẹ một cái. Siêu cũng mỉm cười lại. Hai người đều mỉm cười vì những cái mưu mô từ nãy đến giờ...”.

Rồi mỉm cười của nhân vật truyền tới độc giả. Người đọc truyện không chỉ

‘mỉm’ không thôi mà có thể phát ‘cười’ thành tiếng khi Nhất Linh tả những hoàn cảnh ngộ nghĩnh. Chẳng hạn như đoạn tả ông giáo Đông bắt được chiếc khăn che mắt của Bé, một cô gái quê bị đau mắt, mà cứ tưởng là khăn mu-xoa của cô Mùi, con của một ông lang. Chàng đưa khăn lên mũi ngửi và lẩm bẩm: “khăn có mùi thơm là lạ, hay hay”... Chàng thấy khắp người choáng váng một cái thú say sưa... Rồi chàng lại đưa chiếc khăn lên hôn và chợt tìm ra là mùi thơm là lạ ấy giống như mùi thơm của một vị thuốc. Chàng mỉm cười (lại mỉm cười) nói một mình: “Khăn tay của con gái ông Lang có khác”.

Ở một đoạn khác cả nhân vật Siêu trong truyện lẫn độc giả ngoài truyện (chắc thế) đều mỉm cười trước cảnh bác Bút chấp tay vái vái một cái bồ đựng

nước tiểu: “Siêu đương ngồi thấy một người mặc áo dài vá nhiều chỗ, đầu chít khăn xếp đã rách hở cả lần giấy lót, đến gần chỗ Mùi đứng vái Mùi rồi nhìn đồ đạc cười hở cả lợi trên, miệng nói xuýt xoa như người khẩn Phật: “Đồ đạc đâu mà lắm thế này. Lại có cả giường tây ghế tàu”. Rồi Siêu thấy người ấy mở nắp cái bồ đi giải nhìn vào trong, đập nắp lại, mồm lẩm bẩm: “Hắn nổi cơm tây có khác”. Vừa nói vừa vái cái bồ đi giải mấy cái làm Siêu không thể nhịn cười được”.

Nhất Linh diễn tả cái môi của bà Ký Ân, tục danh “bà chủ nhật trình”, khi bà ta nói chuyện: “Bà Ký Ân vì nặng tai nên bao giờ cũng nói to như mắng vào mặt người ta... Lúc bà ta nói thì cả mặt bà là một bức tranh hoạt động và hoạt động nhất là vành môi dưới. Trong khi vành môi trên yên tĩnh và ngậm chặt lấy hàm

răng trên thì vành môi dưới uốn éo đủ chiều: lúc thì chìa hẳn ra phía trước, lúc lại uốn cong hẳn vào phía trong, lúc thì chéch chéch xuống mép phải để hở cả răng lợi, lúc lại chéch chéch sang bên trái, có lúc cong xuống cả hai bên mép nhưng ở giữa lại còng lên; chưa nói thì cái môi dưới đã bắt đầu động đậy và nói xong rồi thì nó cũng còn quăn quại một lúc mới yên”. Nội hình dung cái môi của bà Ký Ân khi nói cũng thấy một hình ảnh vừa sống động vừa tức cười.

Đấy, những đoạn vui vui như vậy chúng ta bắt gặp khắp tác phẩm. Đó là chưa kể những đối thoại rất nhiều trong cuốn tiểu thuyết, tuy chỉ là những lời nói chuyện rất bình thường nhưng dưới ngòi bút tài tình của tác giả chúng trở thành những mẫu đối thoại duyên dáng và lý thú khiến độc giả đọc không chán,

những lời nói ấy “giản dị mà không nhạt nhẽo” như tác giả đã nêu lên như một yếu tố cần thiết cho một tác phẩm hay. Dẫn chứng thì có rất nhiều trong sách, nhưng tôi chỉ xin trích một đoạn sau đây trong Chương XXIII “Bác Hòa hàng cơm” làm thí dụ:

“Rồi nàng lại ngửa mặt nhìn Nhõ nói:

– Này.

Mắt nàng mở to và Nhõ thấy nàng không nói gì thêm nữa.

Chàng hỏi:

– Này... cái gì?

– Lạ lắm cơ, nhưng mà thẹn lắm không nói được.

Nhỡ đặt tay lên người nàng nhưng lần này cũng bị nàng bẻ tay gập lên. Nhỡ nói:

– Thẹn gì, nằm với nhau như thế này còn thẹn gì.

Chàng thấy Hòa nắm mạnh một cái vào người mình rồi nói:

– Thế này nhé, đằng ấy phải thể làm theo thế nhé. Thể đi đã.

Nhỡ mỉm cười thấy hơi là lạ:

– Tôi xin thể. Nhưng thể cái gì mới được chứ!

Tay Hòa đưa lên vuốt má Nhỡ:

– Nào thì nói, thế này nhớ. Tôi với đằng ấy bây giờ coi như hai người bạn, ở với nhau cả đời. Nhưng không bao giờ...

Nàng ngừng lại, tìm lời nói. Nhỡ hỏi:

– Không bao giờ cái gì?

– Thôi không cần nói, đằng ấy hiểu rồi... Thỉnh thoảng đằng ấy lại đến đây, tôi làm cơm cho mà ăn, xong rồi đến đêm lại nằm với nhau nói chuyện suông như thế này và thể không bao giờ... Đằng ấy hiểu rồi chứ?

Nhỡ lại thấy người nàng đè mạnh vào người chàng. Nhỡ mỉm cười một mình, rồi nhìn Hòa gật gật.

– Tôi hiểu rồi! Tôi thể không bao giờ...

– Đằng ấy thể rồi cơ mà; đã thể rồi mà thể lại thì hỏng. Đằng ấy có thích thể không?

– Thích hay không thích nhưng đã thề rồi cơ mà.

– Thế thì được, Bây giờ tôi nói cho mà nghe.

Nhỡ cảm thấy có cái gì là lạ trong người đàn bà góa này nó như kích thích chàng bằng một cái thú khác thường và mới mẻ.”

*

Trở về với tập bản thảo mất tích. Trong rất nhiều năm tôi tự hỏi nếu lời bà Vinh nói với tôi là sự thật thì tại sao cha tôi lại không tự tay đốt bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới mà phải nhờ đến bàn tay của một người khác? Tại sao người khác đó lại là nhà văn Nguyễn Thị Vinh, người mà chính ông đề nghị là thành viên tương

lai của Tự Lực Văn Đoàn theo như lá “chúc thư văn học” Giao thừa năm Quý Tỵ 1953 ông viết đúng 10 năm trước khi ông qua đời?

Tại sao Nhất Linh không có can đảm hủy hoại một công trình tâm huyết của mình, nhưng ông lại có can đảm tự hủy chính thân xác ông? Phải chăng ông quý tác phẩm của ông hơn chính bản thân vì ông ý thức đời sống là hữu hạn còn tác phẩm sẽ tồn tại “vượt thời gian”? Phải chăng ông muốn để lũng số phận tác phẩm của mình trong tay người khác như ông đã để lũng cuộc đời và sự nghiệp của chính mình? Tại sao hầu như cùng một thời gian giao bản thảo cho bà Vinh nhờ đốt ông lại làm làm giấy Ủy Quyền giao cho tôi trách nhiệm xuất bản những tác phẩm của ông?

Cố nhiên là tôi không có câu trả lời. Nhưng không hiểu sao, qua những câu tự vấn sau đây, linh tính báo cho tôi biết là Nhất Linh “cho đến lúc hai tay buông xuôi” ông đã xếp đặt mọi chuyện.

Phải chăng ông cố ý chọn bà Vinh vì bà là nhà văn, lại là người đã tận mắt chứng kiến cảnh ông ngồi viết tập bản thảo Xóm Cầu Mới này năm 1949 ở Hương Cảng nên biết trân quý nó và không nỡ đốt đi như ông yêu cầu? Phải chăng ông đã nhìn thấy khả năng văn chương của người con út nên trao cho tôi trách nhiệm xuất bản những tác phẩm của ông? Và phải chăng ông tiên đoán tôi sẽ là người xuất bản cuốn trường giang tiểu thuyết tuy dang dở nhưng mang hoài bão lớn nhất trong đời văn của mình?

Nếu đúng như vậy thì thân phụ tôi quả là LINH thiêng bậc NHẤT.

Nguyễn Tường Thiết

(Viết nhân ngày giỗ Nhất Linh

thứ 58, 7-7-2021)

